

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chương trình đào tạo, trình độ đại học
áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-ĐHHĐ ngày 17/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ đề nghị của các khoa đào tạo về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo; Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; Thông báo số 231/TB-ĐHHĐ ngày 05/10/2023 về việc kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2019-2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chương trình đào tạo trình độ đại học, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023 (có danh sách các chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trưởng các khoa quản lý CTĐT, đơn vị quản lý học phần có trách nhiệm triển khai xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết học phần theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các khoa, đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Như Điều 3/QĐ;
- Lưu: VT, P.QLĐT

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng



UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023

(Ban hành theo Quyết định số 2588/QĐ-ĐHĐ, ngày 18/9/2023

của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
1	7140201	Giáo dục Mầm non	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	
3	7140206	Giáo dục Thể chất	
4	7140209	Sư phạm Toán học	
5	7140211	Sư phạm Vật lý	
6	7140212	Sư phạm Hóa học	
7	7140213	Sư phạm Sinh học	
8	7140217	Sư phạm Ngữ văn	
9	7140218	Sư phạm Lịch sử	
10	7140219	Sư phạm Địa lý	
11	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	
12	7220201	Ngôn ngữ Anh	
13	7310101	Kinh tế	
14	7310401	Tâm lý học	
15	7340101	Quản trị kinh doanh	
16	7340201	Tài chính-Ngân hàng	
17	7340301	Kế toán	
18	7340302	Kiểm toán	
19	7380101	Luật	
20	7520201	Kỹ thuật điện	
21	7580201	Kỹ thuật xây dựng	
22	7810101	Du lịch	
23	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 2588/QĐ-ĐHHĐ ngày 18 tháng 09 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Business Administration
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7340101
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa KT - QTKD/Bộ môn QTKD
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc đã tốt nghiệp TCCN, CĐ, DH.
Thời gian đào tạo:	(4/4,5 năm)
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (128 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4,0); - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất; - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Vị trí làm việc:	Sau khi hoàn thành CTĐT ngành QTKD, sinh viên có thể làm việc tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác ở những vị trí làm việc sau: - Cán bộ, chuyên viên, quản trị viên ứng với các vị trí công việc tại phòng hành chính, nhân sự, bán hàng, marketing, tài chính, bảo hiểm, sản xuất, kinh doanh, quan hệ khách hàng, quản trị thông tin, thương hiệu,

	kênh phân phối ...Triển vọng trong tương lai có thể trở thành giám đốc, phó giám đốc, trưởng phó phòng, ban, bộ phận, dự án, ... - Quản lý hoặc trợ lý giám đốc trong các tổ chức, doanh nghiệp, nhà hàng, khách sạn, siêu thị, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí. - Chuyên viên phân tích và tư vấn các vấn đề về thị trường và quản trị doanh nghiệp, nhân viên tác nghiệp trong các tổ chức kinh tế; giám sát viên cho các nhãn hàng hoặc giám sát khu vực cho các công ty. - Tự khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp với vai trò giám đốc hoặc nhà đầu tư kinh doanh. - Nguyên cứu viên, giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các viện và trung tâm nghiên cứu.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	1) Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội: http://ueb.vnu.edu.vn/Sub/13/newsdetail/ctdt/16448/chuong-trinh-dao-tao-chat-luong-cao-trinh-do-dai-hoc-nganh-quan-tri-kinh-doanh.htm 2) Trường đại học kinh tế quốc dân https://daotao.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/daotao/CTDT%20K63/23.%20Ng%C3%A0nh%20Qu%E1%BA%A3n%20tr%E1%BB%8B%20kinh%20doanh_CT%C4%90T%202021.pdf 3) Trường Đại học Đà Nẵng https://daotao.due.udn.vn/lo-trinh-hoc/K2-qtkdtongquat.pdf 4) Trường Đại học Vinh: http://phongdaotao.vinhuni.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-tiep-can-cdio/khung-chuong-trinh/se/chuong-trinh-dao-tao-nganh-quan-tri-kinh-doanh-ap-dung-tu-khoa-58-tro-di-94008 5) Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh. Ngành QTKD (năm 2020) https://som.ueh.edu.vn/dao-tao/dai-hoc/?nganh=quan-tri-kinh-doanh 6) National Taiwan University (Đài Loan) https://management.ntu.edu.tw/en/BA/course/bacourse 7) North American University: https://www.na.edu/degree-programs/undergraduate-programs/business-administration/

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và sức khỏe tốt; trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn. Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức chuyên môn sâu rộng, hiện đại về quản trị tổ chức, doanh nghiệp và các hoạt động kinh doanh theo tư duy đổi mới sáng tạo. Có đầy đủ kỹ năng mềm, thành thạo kỹ năng hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm soát các hoạt động quản trị và kinh doanh.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Kiến thức

PO1: Có kiến thức về Lý luận chính trị; hiểu biết đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Có kiến thức về tự nhiên và xã hội, về tâm lý và văn hoá kinh doanh; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ số đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.

PO3: Cử nhân QTKD có đầy đủ năng lực chuyên môn về quản trị và quản trị kinh doanh từ đó vận dụng thành thạo trong phân tích, đánh giá và quản trị được các vấn đề thực tiễn phát sinh trong các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước với vai trò là chuyên viên, quản trị viên.

PO4: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, kế toán từ đó vận dụng thành thạo trong đánh giá, tổng hợp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản trị kinh doanh.

2.1.2.2. Kỹ năng

PO5: Có các kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết để có khả năng giao tiếp được bằng Tiếng Anh và đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh phục vụ học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực QTKD.

PO6: Có đầy đủ kỹ năng mềm, thành thạo kỹ năng về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát đáp ứng yêu cầu quản trị, kinh doanh; Có năng lực vận hành hoạt động quản trị kinh doanh theo xu hướng chuyên đổi số.

PO7: Có đầy đủ phẩm chất, kỹ năng, năng lực để trở thành nhà quản trị chuyên nghiệp hoặc tự chủ để khởi sự kinh doanh theo tư duy đổi mới sáng tạo.

2.1.2.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PO8: Hình thành tác phong làm việc khoa học; có năng lực tự đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn; Có khả năng tiếp tục học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng, năng lực công tác đáp ứng nhu cầu công việc trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

2.2. Chuẩn đầu ra

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra:

2.2.1 Kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức về Lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất vào quá trình học tập và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được tự nhiên và xã hội, về tâm lý và văn hoá kinh doanh; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về quản trị như quản trị chiến lược, quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị marketing, quản trị bán hàng, quản trị chuỗi cung ứng và quản trị chất lượng vào phân tích, đánh giá, tổng hợp các vấn đề thực tiễn quản trị điều hành tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

PLO4: Vận dụng được kiến thức kinh tế, marketing, marketing kỹ thuật số, thương mại điện tử, quản trị cung ứng, logistic, kinh doanh quốc tế vào trong quá trình thực hiện công việc quản trị kinh doanh.

2.2.2 Kỹ năng

PLO5: Phân tích được môi trường kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu, bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0 để xác định cơ hội và thách thức đối với hoạt động của doanh nghiệp; Hoạch định được mục tiêu, chiến lược, kế hoạch, phối hợp tổ chức các nguồn lực và kiểm soát được các hoạt động quá trình quản trị kinh doanh.

PLO6: Phân tích được các nội dung cơ bản về tài chính, kế toán, thuế, đầu tư phục vụ cho quá trình điều hành doanh nghiệp, tổ chức.

PLO7: Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam, cụ thể có khả năng nghe, nói, đọc viết bằng tiếng Anh trong giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong quản trị kinh doanh; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc quản trị kinh doanh.

PLO8: Có năng lực soạn thảo, trình bày được các nội dung giao tiếp, đàm phán trong quản trị kinh doanh và thiết lập các mối quan hệ với đối tác khách hàng; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể một cách hiệu quả để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra; Có khả năng tư duy phản biện và tư duy đổi mới sáng tạo để tìm kiếm ý tưởng kinh doanh, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quá trình quản trị điều hành.

2.2.3 Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PLO9: Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động quản lý kinh tế; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh với khách hàng.

PLO10: Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng. Có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu và học tập suốt đời nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn phù hợp nhiệm vụ công việc.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Điều kiện	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GDĐC		45							
I	Lý luận chính trị		13							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135		1	LL Mác-Lênin
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18		90	1	2	LL Mác-Lênin
3	196065	Chủ nghĩa xã hội KH	2	21	18		90	1	3	LL Mác-Lênin
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	21	18		90	1	4	LSD-TTHCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	1	4	LSD-TTHCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	24		90		3	Luật
II	Khoa học xã hội- nhân văn		13							
7	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135		6	BM. QTKD
8	151017	PP NCKH chuyên ngành kinh tế và QTKD	3	27	36		135		5	Kinh tế
9	121005	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	18	24		90		1	Việt Nam học - Du lịch
10	118001	Môi trường và con người	2	18	24		90		2	Sinh học
11	Chọn 1 trong 2 học phần									
	196025	Logic học đại cương	2	18	24		90	1	5	LL Mác – LN
	281005	Tâm lý học trong quản lý KD	2	18	18	6	90		5	Tâm lý học
12	Chọn 1 trong 3 học phần									
a	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	18	24		90		3	Địa lý
b	151075	Lịch sử kinh tế quốc dân	2	18	24		90		3	Kinh tế
c	196050	LS các học thuyết kinh tế	2	18	24		90		3	LL Mác – LN
III	Khoa học tự nhiên-công nghệ		8							
13	114025	Toán cao cấp	2	18	24		90		1	ĐS-HH
14	114005	Xác suất thống kê	3	27	36		135	13	2	ĐS-HH
15	172555	Công nghệ số	3	20		50	135		1	MMT-ƯD
IV	Ngoại ngữ		10							

16	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	NN KC
17	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	16	2	NN KC
18	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	17	3	NN KC
V	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	2		28	90		1	Bóng-ĐK
	Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1/5 HP</i>)		2							
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90		2	Bóng-ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90		2	
c	191033	Bóng đá	2			30	90		2	
d	191034	Bóng rổ	2			30	90		2	
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90		2	
VI	Giáo dục quốc phòng (tiết)		165							TT.GDQP
B	KIẾN THỨC GDCN		83							
I	Kiến thức cơ sở		20							
19	151050	Kinh tế vi mô	3	27	36		135		2	BM Kinh tế
20	151061	Kinh tế vĩ mô	3	27	36		135	19	3	BM Kinh tế
21	151016	Nguyên lý thống kê	3	27	36		135	13	5	BM Kinh tế
22	153105	Nguyên lý kế toán	3	27	27	9	135		3	BM KTQT
23	152140	Tài chính tiền tệ	3	27	36		135	2	3	BM TCNH
24	154025	Marketing căn bản	3	27	27	9	135		2	BM. QTKD
25	197010	Luật kinh tế	2	18	24		90	6	5	Luật
II	Kiến thức ngành		46							
26	154121	Quản trị doanh nghiệp	3	27	30	6	135	31	4	BM. QTKD
27	152007	Quản trị tài chính DN1	3	27	36		135	23	4	BM TCNH
28	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	151003	Kinh tế lượng	3	27	27	9	135	20	4	BM Kinh tế
b	151090	Lý thuyết mô hình toán KT	3	27	36		135	19	4	BM Kinh tế
29	153085	Kế toán tài chính 1	4	36	36	12	180	22	6	BM KTTC
30	154071	Thực hành QTKD	3	0	0	135	135	-	6	BM. QTKD
31	154090	Quản trị học	3	27	26	10	135		1	BM. QTKD
32	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>									
a	151045	Kinh tế quốc tế	3	27	36		135	20	4	BM Kinh tế
b	151042	Logistics	3	27	27	9	135	2	4	BM Kinh tế
c	151070	Lập và PTDA đầu tư	3	27	36		135	20	4	BM Kinh tế
33	154065	Quản trị chiến lược	3	27	26	10	135	31	7	BM. QTKD
34	154111	Quản trị sản xuất	3	27	27	9	135	26	7	BM. QTKD
35	154055	Quản trị Marketing	3	27	27	9	135	24	5	BM. QTKD
36	154105	Quản trị nhân lực	3	27	27	9	135	31	7	BM. QTKD
37	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	154072	Thương mại điện tử	3	27	30	6	135	26	7	BM. QTKD

b	154113	Quản trị DN thương mại	3	27	30	6	135	26	7	BM. QTKD
38,39	Chọn 2 trong 3 học phần									
a	154074	Văn hoá kinh doanh	3	27	26	10	135	26	6	BM. QTKD
b	154073	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	3	27	26	10	135	26	6	BM. QTKD
c	154012	Kỹ năng mềm trong QTKD	3	27	26	10	135	26	6	BM. QTKD
40	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	154076	Hành vi người tiêu dùng	3	27	30	6	135	24	7	BM. QTKD
b	154077	Marketing kỹ thuật số	3	27	30	6	135	24	7	BM. QTKD
III	Kiến thức bổ trợ		6							
41	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	154008	Kế toán quản trị chi phí	3	27	36		135	22	5	BM KTQT
b	152030	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	27	36		135	22	5	BM KTQT
42	Chọn 1 trong 3 học phần									
a	151100	Tài chính công	3	27	30	6	135	23	7	BM TCNH
b	152101	Thuế	3	27	30	6	135	23	7	BM TCNH
c	153125	Thị trường chứng khoán	3	27	24	12	135	23	7	BM TCNH
IV	Thực tập TN/KL/HP thay thế		11							
43	152085	Thực tập tốt nghiệp	5			150	225		8	BM. QTKD
	152054	Khoá luận tốt nghiệp	6		25	155	270		8	BM. QTKD
	Học phần thay thế KLTN		6							
44	154060	Quản trị bán hàng	3	27	27	9	135	24	8	BM. QTKD
45	154040	Quản lý chất lượng	3	27	31	5	135	26	8	BM. QTKD
Tổng số tín chỉ			128							

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học kỳ: 1 số TC: 17 (Bắt buộc:17, tự chọn: 0)								
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	X		32	26	
2	121005	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	X		18	24	
3	114025	Toán cao cấp	2	X		18	24	
4	172555	Công nghệ số	3	X		20		50
5	133031	Tiếng Anh 1	4	X		36	24	24
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	X		2		28

6	154090	Quản trị học	3	X		27	26	10
Học kỳ: 2 số TC: 16 (Bắt buộc:16, tự chọn: 0)								
1	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	x		21	18	
2	114005	Xác suất thống kê	3	x		27	36	
3	133032	Tiếng Anh 2	3	x		27	18	18
a	191031	Bóng chuyền	2					30
b	191032	Thể dục Aerobic	2					30
c	191033	Bóng đá	2					30
d	191034	Bóng rổ	2					30
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2					30
4	151050	Kinh tế vi mô	3	x		27	36	
5	118001	Môi trường và con người	2	x		18	24	
6	154025	Marketing căn bản	3	x		27	27	9
Học kỳ: 3 số TC: 18 (Bắt buộc:16, tự chọn: 2)								
1	196065	Chủ nghĩa xã hội KH	2	x		21	18	
2	197030	Pháp luật đại cương	2	x		18	24	
5	153105	Nguyên lý kế toán	3	x		27	27	9
4	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>		2					
a	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam	2		x	18	24	
b	151075	Lịch sử kinh tế quốc dân	2		x	18	24	
c	196050	LS các học thuyết kinh tế	2		x	18	18	6
5	133033	Tiếng Anh 3	3	x		27	18	18
6	151061	Kinh tế vĩ mô	3	x		27	36	
7	152140	Tài chính tiền tệ	3	x		27	36	
Học kỳ: 4 số TC: 16 (Bắt buộc:10, tự chọn: 6)								
1	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	X		21	18	
2	197035	Tư tưởng HCM	2	X		21	18	
3	154121	Quản trị doanh nghiệp	3	X		27	30	6
4	152007	Quản trị tài chính DN1	3	X		27	36	
5	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>		3					
a	151003	Kinh tế lượng	3		x	27	27	9
b	151090	Lý thuyết mô hình toán KT	3		x	27	36	
6	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>		3					

a	151045	Kinh tế quốc tế	3		x	27	36	
b	151042	Logistics đại cương	3		x	27	27	9
c	151070	Lập và PTDA đầu tư	3		x	27	36	
Học kỳ: 5 số TC: 16 (Bắt buộc:11, tự chọn: 5)								
1	151017	PP NCKH chuyên ngành kinh tế và QTKD	3	x		27	36	
2	Chọn 1 trong 2 HP		2					
a	196025	Logic học đại cương	2		x	18	24	
b	281005	Tâm lý học trong quản lý KD	2		x	18	18	6
3	151016	Nguyên lý thống kê	3	x		27	36	
4	197010	Luật kinh tế	2	x		18	24	
5	154055	Quản trị Marketing	3	x		27	27	9
6	Chọn 1 trong 2 học phần		3					
a	154008	Kế toán quản trị chi phí	3		x	27	36	
b	152030	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		x	27	36	
Học kỳ: 6 số TC: 16 (Bắt buộc:10, tự chọn: 6)								
1	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
2	153085	Kế toán tài chính 1	4	x		36	36	12
3	154071	Thực hành QTKD	3	x		0	0	90
4	Chọn 2 trong 3 học phần		6					
a	154074	Văn hoá kinh doanh	3		x	27	27	9
b	154073	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	3		x	27	27	9
c	154012	Kỹ năng mềm trong QTKD	3		x	27	26	10
Học kỳ: 7 số TC: 18 (Bắt buộc: 9, tự chọn: 9)								
1	154065	Quản trị chiến lược	3	x		27	26	10
2	154111	Quản trị sản xuất	3	x		27	27	9
3	154105	Quản trị nhân lực	3	x		27	27	9
4	Chọn 1 trong 2 học phần		3					
a	154072	Thương mại điện tử	3		x	27	30	6
b	154113	Quản trị DN thương mại	3		x	27	30	6
5	Chọn 1 trong 3 học phần		3					
a	151100	Tài chính công	3		x	27	30	6

b	152101	Thuế	3		x	27	30	6
c	153125	Thị trường chứng khoán	3		x	27	24	12
6	Chọn 1 trong 2 học phần		3					
a	154076	Hành vi người tiêu dùng	3		x	27	30	6
b	154077	Marketing kỹ thuật số	3		x	27	30	6
Học kỳ: 8 số TC: 11 (Bắt buộc: 5, tự chọn: 6)								
1	152085	Thực tập tốt nghiệp	5	x				150
2	152054	Khoá luận tốt nghiệp	6		x		25	155
a	154060	Quản trị bán hàng	3		x	27	27	9
b	154040	Quản lý chất lượng	3		x	27	31	5

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

5.1. Đội ngũ giảng viên:

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Phó giáo sư	04	0	04
2	Tiến sỹ	05	27	32
3	Thạc sỹ	04	17	21

5.2. Phòng học:

- Hệ thống phòng học tại các giảng đường: Hệ thống phòng học phục vụ công tác dạy – học được trang bị đồng bộ, hiện đại với đầy đủ trang thiết bị như: máy chiếu, màn hình, bảng viết, bàn ghế, quạt...

- Các phòng học máy tính được trang bị đầy đủ máy tính với các phần mềm chuyên môn phục vụ việc học và thực hành; Phòng tự học, phòng thảo luận tại Trung tâm thư viện cũng được trang bị máy tính có kết nối internet, wifi...

5.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan:

Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị quan trọng: Để đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT cần trang bị hệ thống phòng học được trang bị máy chiếu, loa mic và các điều kiện cần thiết cho dạy và học.

Hiện tại nhà trường đã trang bị hệ thống phòng học hiện đại, có đầy đủ hệ thống quạt và hệ thống chiếu sáng, máy chiếu đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo.

Thư viện:

Thư viện nhà trường có diện tích 5166m², được tổ chức theo hình thức kho mở với 04 phòng đọc, 500 chỗ ngồi. Cơ sở vật chất hiện đại với hệ thống 130 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng, 6 phòng học nhóm, 2 phòng hội thảo, 1 phòng quản trị mạng, 4 phòng làm việc nghiệp vụ, 1 kho lưu. Các phòng hội thảo, phòng đọc, phòng học nhóm được trang bị hệ thống

camera, máy chiếu, điều hoà phục vụ người sử dụng thư viện. Hiện tại, Trung tâm đang phục vụ 15.397 đầu sách với số lượng 154.935 bản, 2870 cuốn luận văn, luận án, đồ án các loại.

Năm 2021, Nhà trường đã có thư viện điện tử (phần mềm tra cứu Thư viện Libol) với tài liệu số hóa, ebooks, thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng. Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát lại hệ thống tài liệu, giáo trình học tập để xây dựng kế hoạch mua bổ sung các tài liệu, giáo trình, tạp chí chuyên ngành phục vụ yêu cầu ngày càng cao trong đào tạo và NCKH. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí, của Trung tâm luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu cho sinh viên ngành QTKD.

5.4. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan:

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	Các DN trong tỉnh (tùy tình hình thực tế)
2	Các DN ngoài tỉnh (tùy tình hình thực tế)

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần 1. Triết học Mac- Lê Nin/ Marxist philosophy

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	32	26	0	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3 (<i>Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 4 (<i>đánh giá khả năng tự nghiên cứu</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra viết	Rubric 5 (<i>đánh giá bài kiểm tra viết</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 (<i>đánh giá bài thi trắc nghiệm</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Bộ Giáo dục & ĐT (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

1) Bộ Giáo dục & ĐT (2013), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

Học phần 2. Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin / Political Economy

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường;

cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Tổng	21	18	0	0	0	0

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Thảo luận nhóm	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (<i>đánh giá bài thi viết</i>)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi

kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Bộ GD&ĐT (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

1) Bộ GD&ĐT (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin* (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), NXB CTQG, Hà Nội.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

Học phần 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196065
- Bộ môn quản lý học phần: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- 1) Bộ Giáo dục & Đào tạo (2008), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị quốc gia.
- 2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

Học phần 4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ History of the Communist party of Vietnam

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.
- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)
- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử
- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	21	18				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	

II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật.

Tài liệu tham khảo

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, NXB Chính trị Quốc gia.

2) Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69), NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật.

Học phần 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's ideology

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và

phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội

- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6

Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33
Tổng	21	18				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	

3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

1) *Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15).

2) Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.

Học phần 6. Pháp luật đại cương/General Law

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;

- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20
Chương 3: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	3		0		10

Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
Tổng	18	24		0		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Viết	Rubricviết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kì (01)				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	

Thang điểm	10
-------------------	-----------

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động

Tài liệu tham khảo

1) Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.

2) Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, NXB Công an nhân dân.

Học phần 7. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/Business Startup and Innovation

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 26TL: 10TH*)
- Mã học phần: 154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.

- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.

- CO3: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng ĐMST; vận hành đề án khởi nghiệp ĐMST từ đó kiến tạo ra các giá trị mới cho bản thân, tổ chức và xã hội.

- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có thể khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Thành thạo trong phân tích và vận dụng các kỹ thuật tư duy sáng tạo như Mindmap, Scamper, động não... vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- CLO3: Phân tích, lựa chọn và đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi.

- CLO4: Xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng/dự án khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO5: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng bản kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO6: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		0		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	5		3		25

Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		3		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4				25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	5		4		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4				20
Tổng	27	26		10*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Day học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3,5	
			CLO5,6	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	

Kiểm tra giữa kỳ				
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc Trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	20%
Thi cuối kỳ				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ để làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV</i>)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), *Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết & Thực tiễn*, NXB ĐH KTQD

2) Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; NXB Đại học kinh tế quốc dân

Học phần 8: PP NCKH chuyên ngành Kinh tế và QTKD / RESEARCH METHODOLOGY FOR ECONOMIC AND BUSINESS STUDENTS

- Số tín chỉ: 3 (LT27, TL36, TH135)

- Mã học phần: 151017
- Bộ môn quản lý học phần: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần (*Mô tả tóm tắt nội dung học phần*)

Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần tập trung vào các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Sau khi nghiên cứu môn học, người học sẽ có những phương pháp, kỹ năng nghiên cứu, phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh.

2. Mục tiêu học phần

- **CO1:** Sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong kinh tế, quản trị. Nhận diện được vấn đề nghiên cứu, các phương pháp thu thập, xử lý dữ liệu, các phương pháp phân tích, đánh giá vấn đề nghiên cứu.
- **CO2:** Sinh viên có kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê và phần mềm hỗ trợ nghiên cứu như excel, SPSS, Eviews trong lĩnh vực kinh tế, quản trị.
- **CO3:** Sinh viên có thái độ tích cực, nghiêm túc trong quá trình nghiên cứu học phần để đạt được hiệu quả cao nhất.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- **CLO1:** Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về NCKH trong lĩnh vực kinh tế như các phương pháp nghiên cứu, cách trình bày NCKH, các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin trong quá trình NCKH.
- **CLO2:** Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị để phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu, thu thập, xử lý, phân tích thông tin về vấn đề nghiên cứu.
- **CLO3:** Vận dụng các kỹ năng về phát hiện vấn đề nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê như SPSS, Eviews trong xử lý, phân tích thông tin kinh tế.
- **CLO4:** Sinh viên có thể tự chủ trong thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh. Sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin và trình bày báo cáo NCKH một cách rõ ràng, hợp lý, khoa học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học	3	3				15
Chương 2: Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu	4	5				15
Chương 3: Tổng quan tài liệu nghiên cứu và xây dựng khung lý thuyết	5	6				15
Chương 4: Phương pháp thu thập thông tin	6	6				25
Chương 5: Phương pháp xử lý thông tin	6	14				50
Chương 6: Trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học	3	2				15
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy – học: Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình (L), thảo luận (D), thực hành (P).

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Trắc nghiệm/ viết cá nhân	Rubric 1 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	

2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Trắc nghiệm	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên, 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Học viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Trần Tiến Khai (2014), Phương pháp nghiên cứu kinh tế, ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Lao động xã hội.

Tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Văn Thắng (2014), Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, Nhà xuất bản ĐH KTQD.

2) Vũ Cao Đàm (2019), Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Giáo dục Việt Nam.

Học phần 9. Cơ sở văn hóa Việt Nam/ Basic of VietNameese Culture

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.
- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.
- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Nhận biết được những biểu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.
- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.
- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học	Tự
----------	-----------------------------	----

	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
Nội dung 2 Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
Nội dung 3 Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5
Nội dung 4 Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5 Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
Nội dung 6 Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7 Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
Nội dung 8 Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 9 Văn hoá tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 11 Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 13 Tổng kết	1	2	0	0	0	0
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubric đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

Tài liệu tham khảo:

1) Trần Quốc Vượng (2002), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục

2) Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

Học phần 10. Môi trường và con người/ Environment and Human

- Số tín chỉ: 02 (18LT,24TL)

- Mã số học phần: 118001

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; các vấn đề sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

- CO2: Người học được trang bị các kỹ năng để nhận diện các vấn đề về môi trường, các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động cũng như việc xử lý các vấn đề nói trên trong thực tiễn.

- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự chịu trách nhiệm trong ứng xử với môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.

- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.

- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn

- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.

- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường	2	3				15
Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường	3	4				15
Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên	4	6				15
Chương 4. Ô nhiễm môi trường	3	4				15
Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững	3	4				15
Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động	3	3				15
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%

2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần (tinh thần thái độ học tập, xây dựng bài, ý thức xây dựng phong trào học tập của lớp...)	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm (Kết quả bài thảo luận, sự hợp tác nhóm, khả năng làm việc nhóm...)	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2, 3,4,5, 6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

-Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN

Tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.

2) Luật bảo vệ môi trường 2020 (*Luật số: 72/2020/QH14*).

Học phần 11a. Logic học đại cương/ General logics

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 196025
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu về đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập và ý nghĩa nghiên cứu môn học, nội dung chương trình môn học được chia thành 5 chương. Chương 2 giới thiệu bản chất, cấu trúc, các loại, quan hệ giữa các khái niệm và các thao tác trên khái niệm. Trên cơ sở khái niệm, đơn vị cơ bản cấu thành tư tưởng, chương 3 phân tích kết cấu của tư tưởng, các đơn vị và mối liên hệ giữa các đơn vị cấu thành một tư tưởng để khẳng định hay phủ định thuộc tính, quan hệ hay sự tồn tại của đối tượng. Chương 4 giới thiệu các quy luật cơ bản của lôgic hình thức. Các chương còn lại tập trung phân tích các thao tác của tư duy gồm các phép suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, chứng minh và bác bỏ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hóa được nội dung của các hình thức cơ bản của tư duy : Khái niệm, phán đoán, suy luận. Có khả năng phân tích, luận giải được tính đúng đắn hoặc sai lầm của các tư tưởng trong quá trình lập luận. Lấy ví dụ cho các trường hợp vi phạm các quy luật cơ bản của tư duy ;
- CO2: Người học có khả năng rèn luyện tư duy lôgic để nâng cao năng lực nhận thức khoa học. Vận dụng một cách đúng đắn, linh hoạt các thao tác lôgic trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học;
- CO3: Người học khẳng định được năng lực của bản thân trong học tập và nghiên cứu. Có thái độ khách quan, khoa học trong nhận thức và phản biện.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tái lập có hệ thống các kiến thức về đặc trưng, kết cấu lôgic của khái

niệm, mối quan hệ giữa các khái niệm, các thao tác logic trên khái niệm ; các loại phán đoán ; suy luận suy diễn và suy luận quy nạp ; các quy luật cơ bản của tư duy ; Các quy tắc trong chứng minh và bác bỏ ;

- CLO2: Rèn luyện được tư duy logic để nâng cao năng lực nhận thức khoa học. Vận dụng một cách đúng đắn, linh hoạt các thao tác logic trong khái niệm, phán đoán, suy luận trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học ;

- CLO3: Khẳng định được năng lực của bản thân trong học tập và nghiên cứu. Có thái độ khách quan, khoa học trong nhận thức và phản biện. Có niềm tin vào chân lý. Đấu tranh chống lại những tư tưởng sai lầm trong nghiên cứu khoa học cũng như trong thực tiễn xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng nghiên cứu và ý nghĩa của Logic học	2		0			10
Khái niệm	3		4			15
Phán đoán	3		6			15
Các quy luật cơ bản của tư duy	2		2			10
Suy luận	6		8			30
Chứng minh và bác bỏ	2		4			10
Tổng	18		24			90

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Rubric Chuyên cần	CLO1 CLO2	30%
	Thảo luận/thuyết trình theo nhóm	Rubric Thảo luận nhóm/thuyết trình	CLO1 CLO2 CLO3	
	Trắc nghiệm hoặc tự luận	Rubric trắc nghiệm, tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân, Tự học,...	Rubric bài tập cá nhân, tự học,...		
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
2	Trắc nghiệm, tự luận	Rubric 3 Trắc nghiệm, tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				50%
3	Tự luận	Rubric 3 Tự luận	CLO1, CLO2, CLO3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Vương Tất Đạt, (2000), *Lógica học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội;

Tài liệu tham khảo

- 1) Nguyễn Như Hải, (2007), *Giáo trình Logic học đại cương*, Nxb. Giáo dục;
- 2) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh khu vực 1, (2007), *Giáo trình Logic học (tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

Học phần 11b. Tâm lý học trong quản lý kinh doanh/ Psychology in business management

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 18TL, 6TH)
- Mã học phần: 181005
- Bộ môn quản lý học phần: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh; Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại; Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; Vấn đề giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học quản lý kinh doanh; Giải thích được bản chất, chức năng của tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC; Lý giải được đặc điểm tâm lý của người bán hàng, của khách hàng và của người lãnh đạo trong hoạt động kinh doanh thương mại.

- CO2: Làm rõ được các nguyên tắc, phương tiện, phong cách... giao tiếp trong quản lý kinh doanh; Xác định được các quy luật tâm lý của việc sử dụng con người theo khoa học ...

- CO3: Đánh giá được những khía cạnh tâm lý của tiếp thị và xác định các cơ sở tâm lý học của quảng cáo

- CO4: Phối hợp được các đặc điểm tâm lý của các đối tượng khách hàng để đưa ra sách lược tiêu thụ hàng hóa phù hợp; Thích nghi với các đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp; Hình thành kỹ năng giao tiếp hiệu quả và xây dựng một số hoạt động tiếp thị, quảng cáo thương mại dựa trên việc ứng dụng tâm lý người tiêu dùng.

- CO5: Thể hiện được nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức Tâm lý học quản lý kinh doanh trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp; Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn học; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề; Tự tin, bản lĩnh, năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được những vấn đề cơ bản của Tâm lý học quản lý kinh doanh; Lý giải được đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại và đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong kinh doanh.

- CLO2: Xác định được các vấn đề về giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Đánh giá được vai trò của quảng cáo thương mại đối với tâm lý người tiêu dùng.

- CLO3: Xây dựng được kế hoạch khảo sát, nghiên cứu thị trường tiêu dùng...thông qua các phương pháp nghiên cứu cụ thể; Nhận diện và kiểm soát được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và tâm lý các đối tượng trong quản lý kinh doanh nói riêng; Hình thành kỹ năng giao tiếp và giải quyết các tình huống trong quản lý kinh doanh;

- CLO4: Hình thành ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, thích ứng nhanh với những biến đổi của xã hội; Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; Cam kết cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh 1. Khái quát về TL. 2. Một số vấn đề chung về tâm lý học quản lý kinh doanh. 3. Phương pháp nghiên cứu tâm lý của tâm lý học quản lý kinh doanh.	4	2				15
Chương 2: Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương	2	6				15

1. Đặc điểm tâm lý của khách hàng . 2. Đặc điểm tâm lý của người bán hàng.						
Chương 3: Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh 1. Nhà kinh doanh và hoạt động kinh doanh. 2. Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh. 3. Phong cách của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh. 4. Uy tín của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh.	4	4				18
Chương 4: Vấn đề giao tiếp và sử dụng con người trong QLKD 1. Giao tiếp trong quản lý kinh doanh 2. Sử dụng con người trong quản lý kinh doanh	4	4		3		22
Chương 5: Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng 1. Tiếp thị và những khía cạnh tâm lý của tiếp thị 2. Quảng cáo và cơ sở tâm lý học của quảng cáo	4	2		3		20
Tổng	18	18		6		90

5. Phương pháp dạy - học

- Các phương pháp dạy học sử dụng trong học phần: Thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2 CLO3	
3	Bài tập nhóm (10%) - Số lần bài tập nhóm bằng với số tín chỉ học phần	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2 CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1, CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
5	Viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1, CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm thi kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ ĐK dự thi.

Hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Bá Dương – Đức Uy (2007), *Giáo trình Tâm lý học kinh doanh*, NXB Thống kê.

Tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Hữu Thụ (2009), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB ĐHQG Hà Nội.

2) Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB Thống kê.

Học phần 12a. Địa lý kinh tế Việt Nam/Economic geography of Vietnam

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 24 TL)

- Mã số học phần: 125225.

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lí kinh tế Việt Nam cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển KT Việt Nam như: vị trí địa lí, các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện kinh tế xã hội; Thực trạng phát triển các ngành kinh tế ở Việt nam hiện nay; Đặc điểm phát triển các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm của Việt nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững những kiến thức tổng quan về vai trò của từng nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế cũng như đặc trưng của vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm.

- CO2: Người học phân tích, đánh giá được vai trò và tầm quan trọng của các nguồn lực cụ thể ở Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế chung cũng như phát triển của từng ngành kinh tế ở Việt Nam. Phân tích và so sánh được đặc điểm phát triển kinh tế của 7 vùng kinh tế và 4 vùng kinh tế trọng điểm của đất nước. Từ đó rút ra được xu hướng phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai.

Người học có được kỹ năng phân tích các bảng số liệu, đánh giá, so sánh số liệu thống kê; vẽ các biểu đồ, sơ đồ; Kỹ năng viết báo cáo, viết bài luận; Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.

- CO5: Người học được bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển kinh tế của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các kiến thức về nguồn lực phát triển kinh tế, ngành và vùng kinh tế.

- CLO2: Phân tích mối quan hệ của các yếu tố nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam, đánh giá được những ảnh hưởng của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung, các ngành và các vùng kinh tế nói riêng. Phân tích và đánh giá được thực trạng và xu hướng phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế ở Việt Nam.

- CLO3: Tính toán được một số chỉ tiêu kinh tế; vẽ biểu đồ, sơ đồ; đọc atlas Địa lí; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và kinh tế- xã hội của đất nước; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp khai thác tài nguyên bền vững và hiệu quả.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí kinh tế Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Vị trí và tài nguyên thiên nhiên.	2	2				10
Nội dung 2: Các loại tài nguyên thiên nhiên chủ yếu.	2	3				10
Nội dung 3: Các vấn đề dân số Việt Nam.	2	2				10

Nội dung 4: Địa lí ngành CN	2	3				10
Nội dung 5: Địa lí ngành Nông-Lâm-Ngư nghiệp	2	3				10
Nội dung 6: Địa lí ngành dịch vụ	2	2				10
Nội dung 7: Địa lí các vùng kinh tế tự VN (phân chia theo điều kiện tự nhiên).	2	3				10
Nội dung 8: Địa lí các vùng kinh tế trọng điểm VN.	2	3				10
Nội dung 9: Việt Nam trong hệ thống phân công lao động khu vực và quốc tế.	2	3				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phân sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	

5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Lê Thông (Chủ biên), 2011, *Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam*, NXB ĐHSP Hà Nội.

Giáo trình tham khảo

Lê Thông, Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên), 2012, *Việt Nam, các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

Học phần 12b. Lịch sử kinh tế quốc dân/ History of national Economy

- Số tín chỉ: 02 (18 LT : 24 TL : 0TH)

- Mã học phần: 151075

- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nền KT thế giới và Việt Nam. Học phần đưa ra quy trình phát triển kinh tế của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô, Các nước đang phát triển và ASEAN. Từ đó rút ra vài học phát triển KT cho Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước 1 cách tổng hợp và chính xác.
- CO2: Vận dụng được những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển kinh tế

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển KT của các nước trên thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử khác nhau; phân tích được những đặc điểm, mô hình và xu hướng phát triển KT của mỗi quốc gia qua các thời kỳ lịch sử cụ thể;.
- CLO2: Phân tích, đánh giá trình bày được nội dung phát triển kinh tế của các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Liên Xô, Trung Quốc và phương thức phát triển kinh tế Việt nam giai đoạn từ 1945 đến nay.
- CLO3: Hiểu những bài học kinh nghiệm về phát triển KT của các quốc gia. Từ đó, sinh viên đạt được những kiến thức về KT - XH, nâng cao trình độ lý luận về KT, bồi dưỡng quan điểm lịch sử, thực tiễn
- CLO4: Nhận thức đúng đắn và toàn diện về lịch sử kinh tế. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Nhập môn và Kinh tế Mỹ	2	2				9

Nội dung 2: Kinh tế Nhật Bản	2	3				10,5
Nội dung 3: Kinh tế Liên Xô	2	2				9
Nội dung 4: Kinh tế Trung Quốc	2	3				10,5
Nội dung 5: Kinh tế các nước đang phát triển và ASEAN	2	3				10,5
Nội dung 6: Kinh tế Việt Nam thời kỳ trước năm 1945	2	2				9
Nội dung 7: KT VN thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp	2	3				10,5
Nội dung 8: Kinh tế Việt Nam thời kỳ đất nước tạm thời bị chia cắt làm 2 miền (1955 - 1975)	2	3				10,5
Nội dung 9: KT Việt Nam từ 1976 đến nay	2	3				10,5
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3	30%

3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có tài liệu 1) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Huy Vinh, Trần Khánh Hưng (2013), *Giáo trình Lịch sử KT*, NXB ĐH KTQD.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý (2008), *Giáo trình lịch sử kinh tế*, NXB ĐH KTQD.

Học phần 12c. Lịch sử các học thuyết kinh tế/History of economic theories

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)
- Mã số học phần: 196050
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: LL Mác – LN

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả tóm tắt học phần

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết kinh tế. Các chương còn lại cung cấp hệ thống quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế chính trị tiểu tư sản, học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ 19, quá trình phát sinh và phát triển của KTCT Mác- Lênin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Sau khi kết thúc học phần, người học nắm được những quan điểm cơ bản trong các học thuyết kinh tế, từ đó đánh giá được những đóng góp có giá trị khoa học và những hạn chế mang tính lịch sử của các học thuyết đó. Phân tích, đánh giá được những vấn đề của nền kinh tế thị trường.
- CO2: Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành. Vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau này nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu rõ về sự ra đời, nội dung, giá trị của các Học thuyết kinh tế
- CLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề của nền kinh tế thị trường.
- CLO3: Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành. Vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau này nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG MỞ ĐẦU: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ	1	0				10
CHƯƠNG 1: HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA KINH TẾ	3	4				10

CHÍNH TRỊ TƯ SẢN CỎ DIỄN						
CHƯƠNG 2: KINH TẾ CHÍNH TRỊ TIỂU TƯ SẢN	2	0				15
CHƯƠNG 3: HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA NHỮNG NGƯỜI THEO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG Ở TÂY ÂU THẾ KỶ XIX	4	8				15
CHƯƠNG 4: SỰ PHÁT SINH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC MÁC- LÊNIN(	4	4				10
CHƯƠNG 5: HỌC THUYẾT KINH TẾ TƯ SẢN HIỆN ĐẠI	4	8				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thảo luận: 1 bài. Hình thức: vấn đáp	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2	20%

			CLO3	
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi viết	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Trần Bình Trọng (2008) *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội

Tài liệu tham khảo

Đảng Cộng sản Việt Nam, (2006), *Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Học phần 13. Toán cao cấp / Advanced mathematics

- Số tín chỉ: 02 (18LT; 24BT; 90TH)
- Mã học phần: 114025
- Bộ môn quản lý học phần: Đại số - Hình học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; không gian vectơ và ánh xạ tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân của hàm số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức những kiến thức cơ bản về tập hợp, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân và tích phân của hàm số.

- CO2: Người học có kỹ năng áp dụng được các kiến thức về toán cao cấp vào giải quyết các bài toán chuyên ngành

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Giải thành thạo các bài toán về phương trình ma trận, các phép toán trên ma trận; tính thành thạo định thức.

- CLO2: Vận dụng các kiến thức về ma trận và định thức vào giải các hệ phương trình tuyến tính.

- CLO3: Tính thành thạo các bài toán cơ bản về đạo hàm và tích phân.

- CLO4: Giải thành thạo các bài tập cơ bản liên quan đến các tính chất về phép tính vi phân của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán liên quan đến chuyên ngành học.

- CLO5: Thể hiện được khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng làm việc độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tập hợp và logic	3		2			5
Ma trận và định thức	3		6			15
Hệ phương trình tuyến tính	2		4			10
Không gian vec tơ và ánh xạ tuyến tính	1		1			10
Hàm số và giới hạn	2		2			6
Đạo hàm và vi phân	1		1			10
Tích phân	1		2			9
Hàm nhiều biến	3		3			15
Phương trình vi phân	2		3			10
Tổng	18		24			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Bài kiểm tra định kỳ	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, CLO4	
	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1-CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học theo thời khóa biểu.
- Làm bài tập về nhà đầy đủ.
- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.
- Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 03 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình phục vụ môn học.
- Trước khi lên lớp, SV phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của GV
- Trên lớp, SV phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp kiến xây dựng bài.
- Ở nhà, SV phải tích cực tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành tốt môn học.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013), *Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3*, NXB Giáo dục.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên) - Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chính (2003). *Đại số tuyến tính*, NXB Đại học Sư phạm.

2) Nguyễn Tiến Quang, Lê Đình Nam (2014). *Cơ sở Đại số tuyến tính*, (Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật), NXB Giáo dục Việt Nam.

Học phần 14. Xác suất và thống kê / Probability statistics

- Số tín chỉ: 03 (27: 36: 0)
- Mã học phần: 114005
- Bộ môn quản lý học phần: Đại số - Hình học
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

1. Mô tả tóm tắt học phần

Sự kiện ngẫu nhiên, sự kiện sơ cấp, không gian sự kiện sơ cấp, khái niệm xác suất, các tính chất của xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, các tính chất của hàm phân phối, các số đặc trưng, luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm; một số vấn đề thống kê toán học: mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, (kiểm định về trung bình, kiểm định về xác suất, ...)

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê
- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng được kiến thức về xác suất và thống kê vào giải quyết các vấn đề chuyên ngành.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Giải thành thạo các bài toán xác suất nhờ sử dụng các công thức xác suất: công thức cộng, công thức nhân, công thức xác suất đầy đủ, công thức xác suất Bayes, ...
- CLO2: Tính toán thành thạo các bài toán liên quan đến đại lượng ngẫu nhiên, vectơ ngẫu nhiên và vận dụng vào giải một số bài toán thực tế
- CLO3: Giải thành thạo các bài toán cơ bản về ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê trong những tình huống cụ thể.
- CLO4: Biết cách tìm hệ số tương quan, giải được bài toán dự đoán và vận dụng vào thực tế.

- CLO5: Vận dụng các kỹ năng sáng tạo và kỹ năng phản biện khoa học để tư vấn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn chuyên ngành học; Thể hiện được khả năng nghiên cứu khoa học và làm việc độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
1. Xác suất	7		10			31
Đại lượng ngẫu nhiên	7		9			32
Tập hợp mẫu	4		4			20
2. Ước lượng	3		4			22
Kiểm định giả thiết thống kê	4		6			20
3. Tương quan hồi qui	2		3			10
Tổng	27		36			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	CLO1	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, CLO4	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			

	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1-CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Lên lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học theo thời khóa biểu.
- Làm bài tập về nhà đầy đủ.
- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.
- Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 03 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình phục vụ môn học.
- Trước khi lên lớp, SV phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của GV
- Trên lớp, SV phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp kiến xây dựng bài.
- Ở nhà, SV phải tích cực tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành tốt môn học.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Đào Hữu Hồ (1998), *Xác suất và Thống kê*, NXB Đại học Quốc gia HN

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

- 1) Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương (2001), *Xác suất thống kê*, NXB GD.
- 2) Tống Đình Quý (2000), *Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê*, NXB GD.

Học phần 15. Công nghệ số/Digital technology

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)
- Mã học phần: 172555
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;

CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;

CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;

CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu	5	0	0	0		15

3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội						
Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0) 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0		9
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35) 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10) 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến 6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến	3	0	0	10		24
Tổng	20	0	0	50		135

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%

	- Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập			
2	Kỹ thuật trình chiếu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	Thực hành bảng tính - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form, ...) - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			

- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i>: thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i>: thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%
---	----------	--	-----

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo

Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, NXB Thông tin và truyền thông.

Học phần 16. Tiếng Anh 1/English 1

- Số tín chỉ: 4 (36,24,24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2(bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1). 1.2.IPA: phonemic chart - vowels,	10	3	3	4	2	52

consonants, monothongs, diphthongs 1.3. Verb “to be”, Possesive Pronounce, Reflexive Pronounce, Lesson 1A, 1B. 1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17) 1.5. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24) 1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2 - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C						
Nội dung 2: 2.1. Simple Present - Lesson 3A, B, C 2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34) 2.3. Preposition - Lesson 4B, 4C 2.4. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 2.5. Kiểm tra giữa kỳ Lesson 5A, 6B, 6C 2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)	11	3	3	5	1	52
Nội dung 3: 3.1. Simple Past						

- Lesson 7A, 7B, 7C 3.2. Workbook Unit 7A,B,C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54) 3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C 3.4. Workbook Lesson 8C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57) 3.5. Noun - Lesson 8B, 9A, 9B 3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher. 3.7. Comparison of Adjective and Adverb.	11	3	3	5	1	52
Nội dung 4: 4.1. Future Expression with “be going to”, Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C 4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Wring, p.p.75-77) 4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4 4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B 4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)	4	3	3	4	2	24
Tổng	36	24	24			180

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

Nguyễn Thị Quyết, (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*, Nxb. Thanh

Hoá.

Tài liệu tham khảo

1) Raymond Murphy, (2013), *English Grammar in use. 130 bài ngữ pháp tiếng Anh*, Nxb. Thời đại.

2) Cambridge ESOL, (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*, Cambridge University Press.

Học phần 17. Tiếng Anh 2/English 2

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)

- Mã học phần: 133032

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1(bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present perfect simple Past perfect Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous 1.2. Could have (done), Must (have) and can’t (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3 Review 1/Subjunctive/Passive 1.3.Bài kiểm tra điều kiện 1 1.4. Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I’m used to…) Prefer and would rather, Had better do	7	2	2	3	1	33

something; It's time someone did something Defining relative clauses Non-defining relative clauses						
Nội dung 2: 2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; - Review 2; - Unit 1 A, B 2.2. Unit 1C; 2 A, B 2.3. Kiểm tra giữa kỳ - Unit 2C - Revise & Check 1&2 - Unit 3 A 2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons. - Do the exercises on the textbook - Do exercises on Unit 2C, 3A	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Unit 3B, C - Exercises in the textbook Unit3B - Exercises in the textbook Unit 3C - Exercises in workbook Unit 3B, 3C 3.2. Unit 4A, B - Exercises in Unit 4B, C - Talk about your shopping habit 3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2 - Unit 4C; - Revise and check 3&4, 3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&4	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4:						

4.1. Unit 5A, B - Exercises in Unit 5A, B, C						
4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A						
4.3. Consult Unit 5C, 6 A, - Exercises in workbook Unit 5C, 6 A.						
4.4. Unit 6B, C						
4.5. Listen to “Spotlight English News” and summarize the main content. - Write a composition on the given topic Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3	6	2	3	2	2	36
4.6. Revise and check 5&6; - Exercises in workbook Revise and check 5&6						
Tổng	27	18	18			135

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc	CLO1, CLO2,	

		nghiệm + Rubric 1	CLO4	
--	--	-------------------	------	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

Tài liệu tham khảo

1) Raymond Murphy, (2013), *English Grammar in use. 130 bài ngữ pháp tiếng anh*, Nxb. Thời đại.

2) Cambridge ESOL, (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*, Cambridge University Press.

Học phần 18. Tiếng Anh 3/English 3

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.
- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhấn trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction - Course Orientation Bài 7A (1) & Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with “to” 1.2. Bài tập luyện 2.1 (2): 1.3. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test. Bài 7B (1) & Bài 1.1 (2)	7	2	2	3	1	44

1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective describing people. 1.5. 7C (1) & Bài 8.1. (2) 1.6. Progress test 1: Multiple choice test 1.7. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test.						
Nội dung 2: 2.1. Unit 8B (1) & 9.2 (2) Topics: Environment 2.2. Share their idea about the things can do to help the environment 2.3. Bài 9A & Bài 10.1 Topic: What would you do if... 2.4. Give a report to the class about giving advice 2.5. Mid-term Test 2.6. Unit 9C (1) & 2 7.2 (2) Topics: Leisure 2.5. Apply grammar theory to do different exercises.	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Bài 10B (1)& Bài 3.1 (2) Topic: famous people 3.2. Bài 10C (1)& Bài 10.2 (2) Topics: Music and festival 3.3. Progress test 2 – Writing test 3.4. Bài 11A (1)& 7.1 (2) Topic: Bad losers	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2) Topics: Morning person	6	2	3	2	2	25

4.2. Bài 12A (1)& Bài 12.1 (2) Topic: News around the world						
4.3. Bài 12B (1)& Bài 12.2 (2) Topic: Gossips						
4.4. Progress Test 3 – speaking test						
Tổng	27	18	18			135

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), *English File–Pre-intermediate 3rd edition*.Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

1) Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press

2) Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Giáo dục thể chất 1/ Physical edycation 1

- Số tín chỉ: 02 (2,0,28)
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Nội dung học phần bao gồm: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dụcphát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện
- CO4:Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học;

lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu

- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) - Giáo dục thể chất trong các trường đại học - Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
Nội dung 2: II. (TH) Bài tập thể dụcphát triển chung tay			2			6

không 9 động tác: - Động tác: Tay - Động tác: Lườn - Động tác: Vặn mình						
Nội dung 3: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Bụng - Động tác: Lưng - Động tác: Chân			2			6
Nội dung 4: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Toàn thân - Động tác: Thăng bằng - Động tác: bật nhảy			2			6
Nội dung 5: (TH) Ôn Tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6
Nội dung 6: (TH) Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu - Học các động tác khởi động bổ trợ chuyên môn.			2			6

- Học kỹ thuật tăng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)						
Nội dung 8: (TH) - Ôn tập kỹ thuật tăng cầu. kỹ thuật tăng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).			2			6
Nội dung 9: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyển cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.			2			6
Nội dung 10: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyển cầu bằng mu bàn chân.			2			6
Nội dung 11: (TH) - Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng	2		28			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các

kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

T T	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubic 1)	CLO.3.4	
3	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu (Rubric1)	CLO. 5.6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 2)	CLO.4.5.6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật tăng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 3)	CLO.2.3.4.5.6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh

giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học*. Nxb TĐTT, Hà Nội

Tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

2) Đặng Ngọc Quang (2003), *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐHSPT.

Giáo dục thể chất 2/ Physical edycation: Chọn 1 trong 5 học phần

a. Học phần tự chọn môn Bóng chuyền

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần:191031

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

- *Nội dung học phần*: Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

2. Mục tiêu học phần

- CO1:Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lầy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyền.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)	Thực	Khác	

	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành	hành		
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và di chuyển			2			6
Nội dung 2. Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng)..			2			6
Nội dung 3. - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 4. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 5. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 6. Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 7. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng			2			6

cao tay trước mặt (Nam).						
Nội dung 8. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 9. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt.			2			6
Nội dung 10. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.			2			6
Nội dung 11. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.			2			6
Nội dung 12. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước			2			6

mặt (Nam).						
Nội dung 13. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 14. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 15. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%

2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển(Rubric 1)	CLO.3,4,5	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubric 1)	CLO.4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO.5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Chuyền bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3,4, 5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóngchuyền*, NXB ĐHSP

Tài liệu tham khảo

- 1) Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển*, NXB, TDTT.
- 2) Đinh Văn Lắm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

b. Học phần tự chọn môn Thể dục Aerobic

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191032
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng-ĐK
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.
- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic
- CO4: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.
- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.
- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất

vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO 5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic - Tổ chức thi đấu Aerobic; - Bảy bước cơ bản			2			6
Nội dung 2 Các tư thế cơ bản			2			6
Nội dung 3: - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)			2			6
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)			2			6
Nội dung 5:			2			6

- Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) - Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến động tác 11)						
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III - Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)			2			6
Nội dung 7: - Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) - Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)			2			6
Nội dung 8: - Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V			2			6
Nội dung 9: - Liên kết 5 tổ hợp từ I – V - Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)			2			6
Nội dung 10: - Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) - Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)			2			6
Nội dung 11: - Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) - Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII			2			6
Nội dung 12:			2			6

Hoàn thiện bài liên kết						
Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp(7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 1)	CLO1,2,3,4	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần.	CLO 4,5,6	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 2)	CLO1,2,3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 3)	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TDTT HN.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) *Thể dục*; TDTT HN.

2) Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* NXB TDTT

c. Học phần tự chọn môn Bóng đá

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191033

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài);

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng, ném biên.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyển bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyển bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyển bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá			2			6
Nội dung 2: (TH) Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tăng bóng.			2			6
Nội dung 3: (TH) Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tăng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 4: (TH) Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. <i>Kiểm tra bài số 1</i>			2			6
Nội dung 5: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 6: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân			2			6

Nội dung 7: (TH) Học kỹ thuật ném biên, Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>			2			6
Nội dung 8: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính diện.			2			6
Nội dung 9: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên			2			6
Nội dung 10: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.			2			6
Nội dung 11: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. <i>Kiểm tra bài số 2</i>			2			6
Nội dung 12: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyền bóng sút cầu môn			2			6
Nội dung 13: (TH) Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyền bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực.			2			6

<i>Kiểm tra bài số 3</i>						
Nội dung 14: (TH) Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.			2			6
Nội dung 15: (TH) Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết); Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan); Phương pháp trò chơi vận động; Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp, thực hành động tác; Phương pháp thi đấu, trọng tài; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2	30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubric1)	CLO. 5.6.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m,	CLO. 4.5.6.	20%

		Nữ 12m) (Rubric 2)		
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 3)	CLO.1.2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007

Tài liệu tham khảo

1) Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 5 người*, Nxb TDTT.

2) TS. Phạm Quang, *Giáo trình Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội 2007

d. Học phần tự chọn môn Bóng rổ

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191034

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.

- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thực chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CO3: Có năng lực, kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa, tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

- CO4: Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt.

- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thực chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.

- CLO 3: : Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ. - Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học			2			6
Nội dung 2: (TH) - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh			2			6
Nội dung 3: (TH) Ôn tập : - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai			2			6

tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.						
Nội dung 4: (TH) - Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao - Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực			2			6
Nội dung 5: (TH) Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ: + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)			2			6
Nội dung 6: (TH) Ôn: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Học kỹ thuật chuyền - bắt bóng: + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyền bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay.			2			6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu chiến thuật: + Tấn công nhanh + Phòng thủ khu vực.			2			6

Kiểm tra giữa kỳ: - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Nội dung kiểm tra: Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian Cách thực hiện kỹ thuật : - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên thì sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m - Thực hiện dẫn đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích Dẫn bóng phạm luật: - Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng - Không được ngửa lưng bàn tay giữ bóng để dẫn bóng. - Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng. - Không được để bóng chạm chân trong quá trình dẫn bóng - Không được bật nhảy không chế bóng rồi dẫn bóng - Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bóng						
Nội dung 8: (TH) - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Ôn tập kỹ thuật:			2			6

+ Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rỏ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Tổ chức thi đấu						
Nội dung 9: (TH) Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rỏ một tay trên cao - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 10: (TH) Chiến thuật: - Tấn công nhanh - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 11: (TH) Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3 Chiến thuật phòng thủ kèm người 1/2 sân - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rỏ tựa bằng một tay trên cao.			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao (Rubric1)	CLO.5.6.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 2)	CLO.4.5.6.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. - Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng	CLO2.3.4.5.6.	50%

		bằng một tay trên cao. (Rubric 3)		
--	--	-----------------------------------	--	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, ĐHSP.

Tài liệu tham khảo

- 1) Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật thi đấu bóng rổ*, NXB TDTT.
- 2) Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB ĐHT Thái Nguyên.

e. Học phần tự chọn môn võ Vovinam.

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191035
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng-ĐK
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy;

phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo

- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hồ quyền rèn luyện thể lực cho người học.

- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản như trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.

- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Trung bình tấn - Đinh tấn - Chảo mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn			2			6
Nội dung 2: - Đấm thẳng - Đấm ngang (Đấm móc) - Đấm mức			2			6
Nội dung 3: -Đá thẳng -Đá vòng cầu (Đá tạt) -Đá cạnh chân			2			6
Nội dung 4: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
Nội dung 5: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
Nội dung 6: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
Nội dung 7: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6

Nội dung 8: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)			2			6
Nội dung 9: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)			2			6
Nội dung 10: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
Nội dung 11: (Ôn tập) - Bài long hổ quyền (từ động tác 31- 40)			2			6
Nội dung 12: - Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
Nội dung 13: (TH) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 41 –45)			2			6
Nội dung 14: (TH) Hoàn thiện bài long hổ quyền (Từ động tác 1 – 45)			2			6
Nội dung 15: (TH) - Ôn tập và KT bài Long hổ quyền			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết),

Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 1)	CLO.3,4	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đâm (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 2)	CLO.4,5,6	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	Bài long hổ quyền (Rubric 3)	CLO.2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các

bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TĐTT.

Tài liệu tham khảo

- 1) Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*
- 2) Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*, NXB TĐTT, HN.

VI. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/MILITARY EDUCATION 165 tiết

VIa. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/*National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam*

- Số ĐVHT: 3 (37, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu của học phần.

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15
Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15

<i>Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam</i>	4	2				15
<i>Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới</i>	4					15
<i>Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng</i>	4	2				15
<i>Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc</i>	2	2				10
<i>Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội</i>						10

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	30%
2	+ Thái độ, ý thức học tập của sinh viên (công tác chuẩn bị trước khi lên lớp: học bài cũ, đọc bài mới hay ghi nhớ lượng kiến thức đã học trong các nội dung trước...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
3	+ Ý thức tham gia thảo luận xây dựng bài thông qua gợi ý trong từng nội dung bài học (nhận thức bài học trên lớp ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
4	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung thảo luận nhóm	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	20%

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
	trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.			
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

Vib. Công tác quốc phòng và an ninh/Defense and security

- Số ĐVHT: 2 (22, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống).

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	30%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
	tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)			
3	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung thảo luận nhóm	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	20%
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh*).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

- Tài liệu bắt buộc:

Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017. *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*, 2017.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014 *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

Vic. HỌC PHẦN QUÂN SỰ CHUNG

- Số ĐVHT: 02 (Lý thuyết:14; Thực hành: 16)
- Mã học phần: GDQP 3
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	
6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	Cộng	30	14	16

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

T T	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục	Rubric đánh giá	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	30%

	trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	chuyên cần		
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
3	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung huấn luyện thực hành	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Kết thúc bài 6 tiến hành 1 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	20%
III	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Học liệu tham khảo:

1. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung*, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

2. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

Vid. HỌC PHẦN KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT

- Số ĐVHT: 04 (Lý thuyết:04, Thực hành: 56)
- Mã học phần: GDQP 4
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Nắm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiểu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiểu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nắm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành

1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiến công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	Cộng	60	4	56

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số ĐVHT +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập.	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
2	Thái độ, ý thức học tập của sinh viên (công tác chuẩn bị trước khi lên lớp: học bài cũ, đọc bài mới hay ghi nhớ lượng kiến thức đã học trong các nội dung trước...)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
3	Ý thức tham gia thảo luận xây dựng bài thông qua gợi ý trong từng nội dung bài học (nhận thức bài học trên lớp của sinh viên ...)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
4	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên ở các nội dung huấn luyện.	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
5	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung huấn luyện thực hành.	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ			

1	Kiểm tra viết (02 bài): Kết thúc bài 2 và bài 4 tiến hành kiểm tra viết theo hình thức tự luận	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	20%
2	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
III	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Tài liệu chính:

Nguyễn Đức Đăng, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam

Học phần 19: Kinh tế vi mô/ Microeconomics

- Số tín chỉ: 3 (27 LT : 36 TL)
- Mã học phần: 151050
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Tổng quan về kinh tế học, lý thuyết về cung - cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất, cấu trúc thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học xong môn học người học có đủ năng lực thực hiện các công việc như: Phân tích cung cầu hàng hóa trên thị trường, phân tích được hành vi của người tiêu dùng, hành vi DN; có thể ra quyết định trong sản xuất kinh doanh sao cho tối đa hóa các mục tiêu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản để: quyết định đúng lựa chọn tiêu dùng; phân tích được cung cầu hàng hóa trên thị trường; phân tích hành vi của người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường; có thể đưa ra được các quyết định để tối đa hóa mục tiêu trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh
- CO2: Người học có những kỹ năng cơ bản trong: lựa chọn tiêu dùng nhằm tối ưu hóa lợi ích trong giới hạn ngân sách; Khảo sát được tình hình về sản phẩm, về thị trường liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp để có thể đưa ra được các quyết định trong sản xuất trong Mỗi cấu trúc thị trường; Phân tích được vai trò và những quyết định của chính phủ trong nền kinh tế..
- CO3: Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực để nắm vững nội dung của học phần. Trên cơ sở đó phải thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề kinh tế liên quan đến môn học đang diễn ra trên thực tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có khả năng vận dụng các lý thuyết hành vi người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh..
- CLO2: Có khả năng phân tích các chỉ tiêu kinh tế (chi phí doanh thu lợi nhuận) trong phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- CLO3: Tự xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh cho phù hợp với ngành nghề và thị trường.
- CLO4: Lập kế hoạch và điều phối, phát huy trí tuệ tập thể để tối đa hóa mục tiêu của các tác nhân kinh tế.
- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nền kinh tế và kinh tế học	2	2				9
Những vấn đề cơ bản về cung và cầu	4	6				19.5
Co giãn cung cầu và chính sách của CP	2	3				10.5

Lý thuyết về hành vi NTD	2	3				10.5
Lý thuyết về hành vi của hãng KD	6	7				28.5
Cấu trúc thị trường sản phẩm	6	9				31.5
Thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh	3	5				16.5
Vai trò của Chính phủ trong nền KTTT	2	2				9
Tổng cộng	27	36				135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2020), *Kinh tế học vi mô*, NXB Tài chính.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2018), *Giáo trình kinh tế học tập 1*, NXB ĐHKQTĐ

2) Tôn Hoàng Thanh Huệ, Đỗ Thị Mẫn (2020), *Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô*, NXB ĐHKQTĐ

3) Nguyễn Văn Dân (2009), *Kinh tế học vi mô*, NXB Tài Chính.

Học phần 20: Kinh tế vĩ mô/ Macroeconomics

- Số tín chỉ: 03 (27 LT : 36 TL,BT)
- Mã học phần: 151.061
- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu một số khái niệm cơ bản về kinh tế học vĩ mô bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô và vận dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái và chính sách thương mại vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu rõ được bản chất của kinh tế học, kinh tế học vĩ mô, các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu (chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách thu nhập và chính sách kinh tế đối ngoại), từ đó có thể vận dụng đối chứng các chính sách trong từng giai đoạn nền kinh tế đang thực hiện.

- CO2: Người học phân biệt rõ tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), biết cách tính các chỉ tiêu kinh tế khác, từ đó vận dụng tính các chỉ tiêu

đó trong thực tiễn Việt Nam.

- CO3: Người học hiểu được bản chất tổng cung, tổng cầu, mức cung tiền, mức cầu tiền, thất nghiệp, lạm phát, lợi thế tuyệt đối, lợi thế tương đối, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế; Từ đó vận dụng trong thực tiễn để đánh giá, phân tích được thực tiễn vấn đề kinh tế đang diễn ra.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên hiểu được phương thức điều tiết kinh tế của chính phủ và các chính sách của nhà nước nhằm ổn định nền kinh tế. Đặc biệt đánh giá được nền kinh tế thông qua tổng sản phẩm quốc dân và tăng trưởng kinh tế.

- CLO2: Sinh viên Tính toán các chỉ tiêu GDP,GNP trong một quốc gia từ đó có những đánh giá về sự thay đổi của quốc gia trong từng năm.

- CLO3: Hiểu rõ khái niệm và xây dựng được mô hình tổng cầu trong nền KT giản đơn, nền kinh tế mở, nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ. Kỹ năng phân tích thực trạng biến động nền kinh tế và sự vận dụng chính sách tài khóa trong điều tiết nền kinh tế của Chính phủ.

- CLO4: Sinh viên hiểu và giải thích được ngân hàng nhà nước làm thế nào để tạo ra tiền và các chính sách NHTW sử dụng trong bối cảnh từng thời kỳ nền kinh tế.

- CLO5: Sinh viên hiểu và giải thích được thương mại quốc tế từ giai đoạn cổ điển đến nay. Những lợi ích mà thương mại quốc tế mang lại cho các quốc gia; chế độ quy đổi giữa đồng nội tệ và ngoại tệ

- CLO6: Sinh viên có kiến thức về tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp; mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp.

- CLO7: Rèn luyện được tư duy khoa học trong phân tích vấn đề, hình thành phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Nhập môn kinh tế học vĩ mô	2	2				9
Chương 2: Mục tiêu và công cụ chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô	2	2				9

Chương 3: Hạch toán tổng sản phẩm quốc dân	3	2	1			10.5
Chương 4: Tổng cầu và chính sách tài khóa	6	7	4			31.5
Chương 5: Tiền tệ và chính sách tiền tệ	6	7	4			31.5
Chương 6: Tổng cầu và tổng cung	2	2				9
Chương 7: Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	4	3				31,5
Chương 8: Thất nghiệp và lạm phát	2	2				9
Tổng	27	27	9			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO7	30%
2	Viết	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4,5,6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 2,3,4,5	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Trên máy tính	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn (sinh viên đủ đk làm BTL)	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có TL số 1) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Văn Dân, Đỗ Thị Thục (2018), *Giáo trình Kinh tế vĩ mô I*, NXB Tài Chính.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công (2017), *Giáo trình kinh tế học tập 2*, NXB ĐHKQTĐ

2) Nguyễn Văn Ngọc, Hoàng Yên (2010), *Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô*, NXB ĐHKQTĐ

Học phần 21: Nguyên lý thống kê

- Số tín chỉ: 3 (27 LT : 36 TL :0TH)
- Mã học phần:151016
- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán mức độ hiện tượng trong tương lai. Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở

cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô. Đây là các nội dung cơ bản mà người học cần phải nghiên cứu để vận dụng trong một số môn học khác và trong thực tế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp luận của thống kê, đồng thời giúp sinh viên biết vận dụng các phương pháp thống kê trong việc thu thập, xử lý và phân tích các con số (mặt lượng) của những hiện tượng kinh tế xã hội số lớn để tìm hiểu bản chất, tính quy luật của các hiện tượng đó trong điều kiện thời gian và không gian cụ thể.

- CO2: Học xong học phần này người học có những kỹ năng cơ bản trong phân tích, phán đoán, giải quyết những vấn đề trong thực tế cuộc sống, đồng thời rèn luyện kỹ năng tìm hiểu, lựa chọn và phân tích, đánh giá thông tin phù hợp với mục đích nghiên cứu. Xác định được mục tiêu, xây dựng và thực hiện điều tra thống kê về các hiện tượng kinh tế-xã hội. Xử lý thành thạo và hiệu quả các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích các hiện tượng kinh tế-xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội trong tương lai; đồng thời cung cấp các dữ liệu cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.

- CO3: Người học cần có thái độ nghiêm túc, cầu thị, tự tin sáng tạo khi tham gia học tập đối với môn học, thực hiện đầy đủ các yêu cầu mà giảng viên đưa ra đối với môn học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Sinh viên nắm được một số khái niệm cơ bản về thống kê học; các giai đoạn của một quá trình nghiên cứu thống kê; Phân biệt được các loại điều tra thống kê, điều kiện áp dụng của từng loại; cách thức phân tổ thống kê; công thức tính các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; và vận dụng các phương pháp phân tích số liệu thống kê vào thực tiễn.

CLO2: Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành nhóm, vận hành, lãnh đạo nhóm. Đồng thời, có khả năng tư duy và làm việc độc lập; có khả năng hòa nhập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp; và phát triển kỹ năng tính toán, tư duy lập kế hoạch và ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế.

CLO3: Xác định được mục tiêu, xây dựng và thực hiện điều tra thống kê về các hiện tượng kinh tế-xã hội; Xử lý thành thạo và hiệu quả các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích các hiện tượng kinh tế-xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội trong tương lai; đồng thời cung cấp các dữ liệu cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.

CLO4: Sinh viên cần có thái độ nghiêm túc, cầu thị, tự tin sáng tạo khi tham gia học tập đối với môn học, thực hiện đầy đủ các yêu cầu mà giảng viên đưa ra đối với môn học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung về thống kê học	2	2				15
Chương 2: Phân tổ thống kê	3	2	2			20
Chương 3: Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội	6	2	6			30
Chương 4: Dây số thời gian	6	2	6			30
Chương 5: Chỉ số trong thống kê	10	6	8			40
Tổng	27	14	22			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Trắc nghiệm/ viết cá nhân	Rubric 1 bài thi trắc nghiệm/viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				

	Viết	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
	Trắc nghiệm	Rubric bài thi trắc nghiệm	CLO 1,2,3,4	50%
Bài tập lớn		Rubric 1 đánh giá bài bài tập lớn	CLO 1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có TL số 1) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi hoặc làm bài tập lớn (nếu đủ điều kiện làm bài tập lớn).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Trần Thị Kim Thu (2016), *Giáo trình lý thuyết thống kê*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Thị Kim Thuý (2009), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, Nhà xuất bản Thống kê.

2) Trần Thị Kim Thu (2014), *Giáo trình lý thuyết thống kê*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

Học phần 22: Nguyên lý kế toán/ Principles Accounting

- Số tín chỉ: 03(27LT: 27TL: 9TH*)
- Mã học phần: 153.105

- Bộ môn quản lý học phần: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần (*Mô tả tóm tắt nội dung học phần*)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế toán, khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về nguyên lý kế toán, vận dụng được các phương pháp kế toán trong công tác kế toán doanh nghiệp.
- CO2: Người học có thể tổ chức thu thập, hạch toán, ghi chép kế toán đối với các quá trình kinh doanh chủ yếu; Người học có khả năng lựa chọn và vận dụng hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc thù của từng doanh nghiệp.
- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có khả năng tổ chức lập và luân chuyển chứng từ kế toán tại đơn vị, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.
- CLO2: Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình mua hàng.
- CLO3: Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình sản xuất
- CLO4: Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình bán hàng.
- CLO5: Người học có khả năng tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức hệ thống sổ kế toán tại đơn vị.
- CLO6: Người học có khả năng lập báo cáo kế toán (bảng cân đối kế toán dạng đơn giản) phản ánh tổng quát tình hình tài chính của đơn vị.
- CLO7: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học	Tự
----------	-----------------------------	----

	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bản chất và đối tượng của hạch toán kế toán	2	2	0			10
Phương pháp chứng từ kế toán	3	3	0	1		15
Phương pháp tài khoản kế toán	5	5	2	2		20
Phương pháp tính giá	3	4	0	1		15
Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán	4	3	2	1		25
Hạch toán kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu	6	6	2	4		35
Sổ kế toán- Hình thức kế toán- Tổ chức công tác kế toán	4	4	2			15
Tổng	27	27	12	9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ	STT	Hình thức đánh giá
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO7	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5,6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	

Thi cuối kì				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	50%
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Tài liệu bắt buộc

Đoàn Xuân Tiên (2014), *Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính.

Tài liệu tham khảo

1) Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính.

2) Võ Văn Nghị (2018), *Hệ thống bài tập trắc nghiệm Nguyên lý kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.

Học phần 23. Tài chính tiền tệ/Monetary and Financial Theories

Số tín chỉ: 03 (27, 36, 0)

Mã học phần: 152140

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

1. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống như lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; Lý luận cơ bản về tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính như: khâu tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình; Những vấn đề cơ bản về thị trường tài chính như thị trường chứng khoán, thị trường vốn, thị trường tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các định chế tài chính trung gian như các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính...

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Người học được trang bị kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện chuyên sâu về tài chính, tiền tệ, ngân sách nhà nước, nguồn vốn trong kinh doanh, ngân hàng.

- CO2: Người học hình thành các kỹ năng như phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp.

- CO3: Người học nắm vững lý thuyết và vận dụng thành thạo các phương pháp phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập để đánh giá hoạt động của các khâu tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nhận thức và nắm vững kiến thức cơ bản về các nội dung tài chính, tiền tệ và ngân hàng. Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính, thị trường tài chính, các định chế tài chính trung gian.

- CLO2: Có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích được những lợi ích và hạn chế của các loại tiền trong lưu thông, hiểu được các khâu tài chính cơ bản trong hệ thống tài chính.

- CLO3: Hiểu rõ nội dung các khoản thu NSNN, đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước từ đó vận dụng khai thác triệt để các khoản thu NSNN.

- CLO4: Có kỹ năng phân tích cơ bản những nội dung chủ yếu trên các báo cáo tài chính doanh nghiệp

- CLO5: Hiểu được nguyên lý hoạt động của ngân hàng thương mại, từ đó có thể phân loại được vốn huy động, tín dụng của ngân hàng thương mại, vận dụng kiến thức để đánh giá việc thực thi chính sách tiền tệ trong thực tế.

- CLO6: Vận dụng những kiến thức cơ bản trong môn học để hình thành các kỹ năng như phân tích báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính, phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu trong hệ thống tài chính.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Thực hành	Khác	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đại cương về tài chính – tiền tệ	5	6				21
Chương 2: Ngân sách Nhà nước	3	4				15

Chương 3: Tài chính Doanh nghiệp	4	5				18
Chương 4: Thị trường tài chính	2	4				15
Chương 5: Các tổ chức tài chính trung gian	3	4				15
Chương 6: Lãi suất	3	4				15
Chương 7: Ngân hàng	4	5				18
Chương 8: Tài chính quốc tế	3	4				18
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: kết hợp phương pháp dạy học thuyết trình với trình chiếu slide, thảo luận, thực hành theo nhóm, nêu và hướng dẫn cách giải quyết vấn đề cho người học theo hướng nâng cao tính tích cực, chủ động trong học tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO2	
			CLO3	
			CLO5	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO3	
			CLO6	
4	Câu hỏi tự luận	Rubric kiểm tra tự luận	CLO1	
			CLO4	
			CLO6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO2,3,5,6	
Thi cuối kì				50%
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Văn Tiến (2011), *Giáo trình Tài chính – Tiền tệ*, NXB Thống kê.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Hữu Tài (2007), *Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ*, NXB, ĐHKQTĐ

2) Phạm Ngọc Dũng; Đinh Xuân Hạnh (2014), *Giáo trình tài chính tiền tệ*, NXB Tài chính.

Học phần 24: Marketing căn bản/ Principles of Marketing

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 27TL; 9TH)
- Mã học phần: 2154025
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về marketing. Tổng quan về các quan điểm marketing trong doanh nghiệp; khái niệm môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing trong doanh nghiệp; khái quát về phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; Chiến lược và các chính sách marketing căn bản. Người học phân tích được các nhân tố thuộc môi trường marketing vĩ mô và vi mô ảnh hưởng đến hoạt động marketing của công ty; nghiên cứu được hành vi mua hàng của người tiêu dùng, phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu cho DN mình; lập kế hoạch nghiên cứu marketing cho 1 sản phẩm cụ thể; xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, thiết lập kênh phân phối, xây dựng hoạt động truyền thông cho sản phẩm hoặc công ty.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về marketing, áp dụng các kiến thức này thực tiễn.
- CO2: Người học có thể lựa chọn và sử dụng được chiến lược marketing mix 4P, từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có hệ thống về marketing trong doanh nghiệp.
- CLO2: Phân tích được môi trường kinh doanh; cách tiến hành phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu. Hiểu ý nghĩa, mục tiêu, vai trò và nội dung của 4P trong marketing mix; giải thích được các chiến lược giá và phương pháp điều chỉnh giá, các quyết định khi xây dựng hệ thống phân phối, đặc điểm của các công cụ xúc tiến hỗn hợp.
- CLO3: Người học có thể thực hiện các các kỹ năng tổ chức các hoạt động marketing trong doanh nghiệp, xây dựng các chiến lược marketing hỗn hợp áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp.
- CLO4: Người học thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị các hoạt động marketing của doanh nghiệp.
- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Giới thiệu tổng quan về Marketing	3	3				15
Nội dung 2: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing	2	2		1		15
Nội dung 3: Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh tới hoạt động Marketing.	2	2				15
Nội dung 4: Phân đoạn thị trường, Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa	4	4		3		15
Nội dung 5 Chiến lược sản phẩm hàng hoá	4	4		2		15

Nội dung 6: Chu kỳ sống sản phẩm hàng hoá	2	2				15
Nội dung 7: Chiến lược giá cả	3	3				15
Nội dung 8: Chiến lược phân phối	3	3				15
Nội dung 9: Chiến lược xúc tiến hỗn hợp	4	4		3		15
Tổng	27	27	0	9*	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm trên giấy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm trên máy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ đk làm BTL)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu..

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Trần Minh Đạo (2022), *Giáo trình Marketing căn*, NXB Đại học kinh tế quốc dân – Hà Nội – Năm 2022.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Văn Hùng (2013), *Marketing căn bản*, Nxb KT TPHCM.

2) Philip Kotler (2006), *Marketing căn bản*, Nxb Thống kê.

Học phần 25: Luật kinh tế/ Economic Law

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 24 TL; 0 TH)
- Mã học phần: 197010
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về Luật kinh tế. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: khái niệm ngành luật kinh tế, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật kinh tế; chủ thể của luật kinh tế; lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; điều kiện, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm, đặc điểm pháp lý, cơ cấu tổ chức, quản lý của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; vấn đề tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; các hoạt động thương mại; quy định pháp luật về cạnh tranh; trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức pháp luật về lĩnh vực Luật kinh tế
- CO2: Người học có khả năng liên hệ với thực tiễn về các vấn đề của Luật kinh tế
- CO3: Người học có thể vận dụng các kiến thức pháp luật kinh tế của mình để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng với yêu cầu đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Trình bày, phân tích được các khái niệm, các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; kiến thức pháp luật về các loại hình chủ thể kinh

doanh, các hoạt động thương mại trong nền kinh tế thị trường, luật cạnh tranh, luật phá sản.

- CLO2: Vận dụng được kiến thức pháp lý về các hoạt động thương mại, chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Luật kinh tế;

- CLO3: Có tư duy logic, rõ ràng, chính xác trong việc xem xét các yếu tố pháp lý trong lĩnh vực Luật kinh tế;

- CLO4: Có thái độ tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo trong học tập và làm việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái quát về Luật kinh tế	1	0				5
Chương 2: Thành lập doanh nghiệp. Tổ chức lại doanh nghiệp. Giải thể doanh nghiệp	1,5	1				10
Chương 3: Doanh nghiệp tư nhân. Hộ kinh doanh	1,5	1				10
Chương 4: Công ty	4,5	6				15
Chương 5: Doanh nghiệp nhà nước. Nhóm công ty	0,5	0				5
Chương 6: Luật hợp tác xã	2	1				10
Chương 7: Các hoạt động thương mại	3	5				15
Chương 8: Luật cạnh tranh	2	6				10
Chương 9: Luật phá sản	2	4				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

- 1) TS Nguyễn Viết Tý (2022), Giáo trình Luật thương mại tập 1, NXB Công an nhân dân
- 2) TS Nguyễn Viết Tý (2022), Giáo trình Luật thương mại tập 2, NXB Công an nhân dân

Tài liệu tham khảo

PGS.TS. Ngô Huy Cương, (2013), *Giáo trình Luật thương mại phần chung và thương nhân*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Học phần 26: Quản trị doanh nghiệp / Enterprise management

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 30TL, 6TH)
- Mã học phần: 154121
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về quản trị doanh nghiệp, Lịch sử quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp, thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; các chức năng quản trị doanh nghiệp như hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra; Các phương pháp quản trị kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Học phần cũng sẽ giúp người học phân loại được doanh nghiệp, thiết lập được mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp nhỏ; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; Phân tích và quản trị kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Khởi nghiệp, điều hành và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Học viên có thể phân tích và vận dụng kiến thức tổng quan về quản trị doanh nghiệp, các phương pháp ra quyết định và hoạch định trong doanh nghiệp vào thực tiễn.
- CO2: Học viên có thể lựa chọn và sử dụng được một số các kỹ năng quản trị điều hành cơ bản từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CO3: Học viên có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích ưu nhược điểm của các loại hình doanh nghiệp, cách thức thu thập thông tin, hoạch định chương trình và xây dựng bộ máy quản trị doanh nghiệp.
- CLO2: Biết được công việc của giám đốc doanh nghiệp, các tổ chức cần có của giám đốc DN từ đó có thể xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng năng lực để trở thành giám đốc DN trong tương lai.
- CLO3: Phân tích và so sánh được các phương pháp điều hành doanh nghiệp từ đó có thể lựa chọn và vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO4: Nắm vững các phương pháp kiểm tra, kiểm soát trong quản trị doanh nghiệp.

- CLO5: Thành thạo các kỹ năng xử lý thông tin và ra quyết định; Kỹ năng hoạch định mục tiêu, kế hoạch, chiến lược; Kỹ năng kiểm soát, Xây dựng mô hình kinh doanh
- CLO6: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng quan về quản trị doanh nghiệp	4	7				24
Giám đốc doanh nghiệp	4	2		6		23
Thông tin và quyết định doanh nghiệp	5	6				22
Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp	4	7				24
Cơ cấu quản trị doanh nghiệp	2	1				11
Phương pháp điều hành trong quản trị doanh nghiệp	3	2				10
Quản trị kết quả kinh doanh và công tác kiểm soát trong doanh nghiệp	5	5				21
Tổng	27	30		6*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO4,5	
Kiểm tra giữa kỳ				20%

1	Thi Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	
Thi cuối kì				
1	Thi Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Ngô Kim Thanh (2013), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp* –NXB Đại học kinh tế quốc dân.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

1) Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan (Đồng chủ biên) (2019) *Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp*; NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2) Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Thị Loan, Trịnh Thị Thu Huyền (Đồng chủ biên) (2022) Cẩm nang “*Hỗ trợ DNNVV tỉnh Thanh Hoá phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid -19*”; NXB Thanh Hoá.

Học phần 27: Quản trị tài chính doanh nghiệp 1/Corporate Finance 1

- Số tín chỉ: 03 (27; 36; 0)
- Mã học phần: 152007
- Bộ môn quản lý học phần: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

1. Mô tả học phần

Trang bị những kiến thức cơ bản và vận dụng vào công tác quản trị tài chính doanh nghiệp như: Tài chính doanh nghiệp và Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp; Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp –

Phương pháp đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư; Báo cáo tài chính doanh nghiệp và các hệ số tài chính – Quản trị dòng tiền của doanh nghiệp - Kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp
- CO2: Người học đưa ra được các giải pháp về quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp
- CO3: Người học tính toán được lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng trường hợp cụ thể
- CO4: Người học phân tích được các chính sách cổ tức của công ty cổ phần.
- CO5: Người học thành thạo trong việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp và lập kế hoạch tài chính

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có kỹ năng phân tích quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp.
- CLO2: Thành thạo trong việc xác định được lợi nhuận trong từng trường hợp cụ thể.
- CLO3: Có kỹ năng phân tích chính sách cổ tức của công ty cổ phần
- CLO4: Có kỹ năng phân tích đánh giá các hệ số tài chính doanh nghiệp
- CLO5: Hình thành kỹ năng lập kế hoạch tài chính
- CLO6: Có ý thức, trách nhiệm trong công việc

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Thực hành	Khác	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp	2					15
Chương 2: Quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp	7		12			30
Chương 3: Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp	6		9			30
Chương 4: Chính sách cổ tức của công ty cổ phần	4	2				20

Chương 5: Báo cáo tài chính doanh nghiệp và các hệ số tài chính	4		4			20
Chương 6: Kế hoạch hóa tài chính doanh nghiệp	4		9			20
Tổng	27	2	34	0		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: kết hợp phương pháp dạy học thuyết trình với trình chiếu slide, thảo luận, thực hành theo nhóm, nêu và hướng dẫn cách giải quyết vấn đề cho người học theo hướng nâng cao tính tích cực, chủ động trong học tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO2, CLO4	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, CLO3	
4	Câu hỏi trắc nghiệm	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO2 CLO3 CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO2,4	
Thi cuối kì				50%
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc

Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, Nxb Tài chính.

Học liệu tham khảo

- 1) Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), *Tài chính doanh nghiệp*, NXB Kinh tế quốc dân
- 2) Bùi Văn Vân (2009), *Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

Học phần 28a: Kinh tế lượng/Econometrics

- Số tín chỉ: 03 (27LT : 30 TL,BT : 6TH)
- Mã học phần: 151003
- Bộ môn quản lý học phần: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

1. Mô tả học phần

Kinh tế lượng là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình Đại học Kinh tế, QTKD, Kế toán, Kiểm toán, TCNH. Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về kinh tế lượng như ước lượng và kiểm định giả thiết, phân tích kết quả hồi quy trong các mô hình: hồi quy đơn, hồi quy bội, hồi quy với biến giả; Nghiên cứu các khuyết tật của mô hình hồi quy (bao gồm khuyết tật đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, dạng mô hình sai và sai số ngẫu nhiên không theo phân phối chuẩn) và cách khắc phục các khuyết tật đó.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: nắm vững các kiến thức về kinh tế lượng là gì? Phương pháp luận, đặc biệt là các bước phân tích kinh tế lượng; Nắm rõ các thành phần và ý nghĩa của các thành phần đó trong mô hình (hàm) hồi quy; Biết cách ước lượng, kiểm định các hệ số hồi quy, phương sai và kiểm định ý nghĩa của mô hình (hàm) hồi quy; Nắm vững cách thức lượng hóa các biến định tính bằng kỹ thuật biến giả, đồng thời biết cách phân tích, so sánh giữa các thuộc tính của một hay nhiều biến định tính trong các trường hợp cụ thể; Nắm vững bản chất, nguyên nhân, hậu quả, cách phát hiện và khắc phục của các khuyết tật dẫn đến các ước lượng không hiệu quả như: Đa cộng tuyến; Phương sai sai số thay đổi; Tự tương quan; Dạng hàm sai và Biến ngẫu nhiên không phân bố chuẩn.

- CO2: Xây dựng được mô hình kinh tế lượng dựa trên các kỹ năng về kiến thức; Thu thập, xử lý, phân tích được số liệu về vấn đề nghiên cứu; Sử dụng các phần mềm Eview một cách cơ bản; Kiểm định các thuộc tính của mô hình sau khi được xây dựng; Dự báo được các hiện tượng kinh tế; phát hiện những khuyết tật, khắc phục và đưa ra mô hình tốt để có những phân tích phù hợp với thực tiễn về kinh tế, từ đó đưa ra các chính sách phù hợp.

- CO3: nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ tích cực và chủ động trong học tập và ứng dụng bao gồm cả sự chủ động nắm bắt, phát hiện vấn đề, thu thập dữ liệu nghiên cứu; Có hứng thú nghiên cứu, phân tích và dự báo các vấn đề kinh tế - xã hội.

- CO4: có khả năng thực hiện một phân tích kinh tế lượng cụ thể, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế

1. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Người học nắm vững các kiến thức về các khái niệm cơ bản trong kinh tế lượng, bản chất của hồi quy, ước lượng, kiểm định giả thiết trong các mô hình hồi quy đơn, hồi quy bội; hiểu về biến giả và cách phân tích hồi quy với mô hình có biến giả, cũng như bản chất, cách phát hiện và khắc phục các khuyết tật trong mô hình.

CLO2: Người học có thể vận dụng thành thạo các kiến thức về kinh tế lượng để xây dựng hàm/mô hình hồi quy cho các vấn đề kinh tế; thực hiện ước lượng và kiểm định các hệ số trong mô hình hồi quy; Dự báo được các hiện tượng kinh tế; Phát hiện và khắc phục được khuyết tật đa cộng tuyến trong mô hình hồi quy.

CLO3: Vận dụng các kỹ năng về xây dựng hàm/mô hình, kỹ năng sử dụng các công cụ kinh tế lượng, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm kinh tế lượng vào giải quyết nhiệm vụ lượng hóa một vấn đề kinh tế.

CLO4: Người học chủ động và có hứng thú trong việc thực hiện một phân tích kinh tế lượng cụ thể, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế.

2. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bổ túc về xác suất thống kê	2					8,5
Các khái niệm cơ bản	2	1				10,5

Ước lượng và kiểm định giả thiết trong mô hình hồi quy đơn	6		8			32
Hồi quy bội	5		6	3		21
Hồi quy với biến giả	2		3			10,5
Đa cộng tuyến	3		3			16
Phương sai của sai số thay đổi	3		3			15,5
Tự tương quan	2		3			10,5
Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình	2		3	3		10,5
Tổng	27	1	29	6		135

3. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Hướng dẫn sinh viên làm bài tập, thực hành.

4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Trắc nghiệm	Rubic bài thi trắc nghiệm	CLO1,2,3	
3	Viết	Rubric bài thi viết	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết/trắc nghiệm	Rubric bài thi viết/trắc nghiệm	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn (sinh viên đủ đk làm BTL)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

5. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học.

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)

- Điểm kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên phải có đầy đủ tài liệu ít nhất là tài liệu bắt buộc

8. Học liệu:

Tài liệu chính

Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh (2012) *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB KTQD

Tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Cao Văn (2018), *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, Nxb ĐHKQTĐ

2) Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2020), *Kinh tế học vi mô*, NXB Tài chính.

Học phần 28b. Lý thuyết mô hình toán kinh tế/Theory of econometric model

Số tín chỉ học tập: 03 (27LT, 36TL,BT)

Mã học phần: 151090

Bộ môn quản lý học phần: Kinh tế

Các học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô

1. Mô tả học phần:

Học phần đề cập tới các mô hình tối ưu ứng dụng trong phân tích hành vi của các tác nhân kinh tế. Trên cơ sở nguồn lực có giới hạn các tác nhân luôn muốn đạt mục tiêu tối đa, với công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi; Những phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.... Phân tích mô hình và tìm lời giải cho vấn đề tối ưu của các nhà quản lý; Phân tích và dự báo mô hình cân đối liên ngành, một số các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. Với những

kiến thức trên, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng, phân tích và dự báo các mô hình kinh tế. Từ đó kiến nghị những quyết định lựa chọn tối ưu nhất cho các tác nhân kinh tế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững các kiến thức về: Phương pháp luận về mô hình toán kinh tế; Cấu trúc mô hình toán kinh tế; Phương pháp phân tích mô hình; Quá trình xây dựng và sử dụng mô hình tối ưu; các giải thiết và vấn đề liên quan đến mô hình tối ưu như sự lựa chọn của các tác nhân kinh tế, cấu trúc của mô hình tối ưu; Hành vi của doanh nghiệp và một số mô hình tương ứng; Hành vi của hộ gia đình và một số mô hình tương ứng; Các dạng bài toán quy hoạch tuyến tính; Bảng vào ra.

- CO2: Chuyển đổi được các dạng bài toán quy hoạch tuyến tính (QHTT); phân tích được các mô hình sản xuất (hành vi của doanh nghiệp) và tiêu dùng (hành vi của hộ gia đình); giải được bài toán QHTT bằng phương pháp đơn hình; xây dựng được bài toán đối ngẫu; tính toán các chỉ tiêu liên quan và xây dựng được bảng vào ra.

- CO3: Thông qua việc tìm hiểu lý thuyết, giúp sinh viên có kỹ năng tư duy, phân tích, phán đoán, giải quyết những vấn đề kinh tế trong thực tế, đồng thời rèn luyện kỹ năng tìm hiểu, lựa chọn và phân tích, đánh giá thông tin phù hợp với mục đích nghiên cứu.

- CO4: Sinh viên có kỹ năng xây dựng, phân tích các mô hình kinh tế nói chung và vận dụng kiến thức trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nhớ và hiểu được được thể là mô hình toán kinh tế; các phương pháp phân tích mô hình; quy trình xây dựng và sử dụng mô hình toán kinh tế; các nội dung về mô hình tối ưu, cấu trúc của mô hình tối ưu; mô hình phân tích hành vi sản xuất; mô hình phân tích hành vi của hộ gia đình; cấu trúc bài toán QHTT và các dạng bài toán QHTT; cách thức chuyển đổi các dạng bài toán QHTT; phương pháp đơn hình giải bài toán QHTT; bài toán đối ngẫu; bảng vào ra: Khái niệm, phân loại.

- CLO2: Vận dụng các kiến thức để chuyển đổi các dạng bài toán quy hoạch tuyến tính; giải các bài toán đơn hình; tính toán các chỉ tiêu của bảng vào ra dạng hiện vật và dạng giá trị.

- CLO3: Phân tích được các yếu tố tác động đến biến nội sinh trong mô hình; Xây dựng được mô hình của một số tình huống kinh tế (bài toán vận tải, lập kế hoạch sản xuất); xây dựng được bảng vào ra của một nền kinh tế đơn giản.

- CLO4: Có khả năng phân tích và đánh giá một cách độc lập, cẩn thận; có phương pháp làm việc theo nhóm một cách hiệu quả, trung thực và chính xác. Có thái độ học hỏi, cởi mở và tôn trọng ý kiến của người khác. Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học. Có ý thức học tập và nghiên cứu các nội dung của học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Giới thiệu chung về mô hình toán kinh tế	2		2			9
Giới thiệu chung về mô hình toán kinh tế (tiếp)	2		3			10,5
Mô hình tối ưu trong kinh tế	2		3			10,5
Mô hình tối ưu trong kinh tế (tiếp theo)	2		3			10,5
Mô hình tối ưu trong kinh tế (tiếp theo)	2		3			10,5
Mô hình tối ưu tuyến tính	2		2			9
Mô hình tối ưu tuyến tính (tiếp theo)	2		3			10,5
Mô hình tối ưu tuyến tính (tiếp theo)	2		2			9
Mô hình tối ưu tuyến tính (tiếp theo)	2		3			10,5
Mô hình tối ưu tuyến tính (tiếp theo)	2		2			9
Bảng vào - ra (I/O)	2		2			9

Bảng vào - ra (I/O) (tiếp theo)	2		2			9
Bảng vào - ra (I/O) (tiếp theo)	2		3			9
Ôn tập	1		3			9
Tổng cộng	27		36			135

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Làm bài tập, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1	
3	Viết	Rubric bài thi viết	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm/viết	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu hoặc Rubrics bài thi viết	CLO1,2,3	30%
Thi cuối kỳ				50%
1	Trắc nghiệm	Rubrics bài thi trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học.

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên, một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi/hoặc làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần (nếu đủ điều kiện làm bài tập lớn)
- Sinh viên phải có đầy đủ tài liệu ít nhất là tài liệu bắt buộc.

8. Học liệu:

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Hoàng Đình Tuấn (2019), *Giáo trình lý thuyết mô hình toán kinh tế*, NXB ĐHKQTĐ

Tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Quang Đông, Ngô Văn Thứ, Hoàng Đình Tuấn (2006), *Mô hình toán kinh tế*, Nxb Thống kê.

2) Hoàng Đình Tuấn (2007), *Giáo trình LT Mô hình toán kinh tế*, Nxb ĐHKQTĐ.

Học phần 29: Kế toán tài chính 1/ Financial Accounting 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 36, 12; 180)
- Mã học phần: 153085
- Bộ môn quản lý học phần: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận trong kế toán doanh nghiệp, nội dung tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước. Kế toán các yếu tố sản xuất bao gồm kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán TSCĐ; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học có kiến thức cơ bản và nâng cao: Khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận. Các nội dung về tổ chức công tác kế toán tài chính trong DN; Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh về kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán các loại vật tư; Kế toán TSCĐ và các khoản đầu tư tài dài hạn; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Người học có kiến thức cơ bản về Luật kế toán (Luật kế toán năm 2015), hệ thống chuẩn mực kế toán (chuẩn mực 01, 02, 03, 04...)

CO2: Người học có thể thực hành ghi sổ kế toán, người học có kiến thức cơ bản về chuyên ngành đọc, ghi chép, lập các báo cáo kế toán và phân tích các thông tin tài chính ở đơn vị kế toán.

CO3: Người học có tác phong nhanh nhẹn, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để đáp ứng yêu cầu môn học

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Có kiến thức cơ bản về luật kế toán, chuẩn mực kế toán, về tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp, nguyên tắc hạch toán kế toán trong doanh nghiệp.

CLO2: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Hiểu được tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; hiểu nguyên tắc hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền, kế toán các khoản phải thu, tạm ứng, ứng trước; kế toán vật tư; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

CLO3: Vận dụng được và ghi chép được các nguyên tắc hạch toán kế toán các phần hành kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, tạm ứng, ứng trước; kế toán vật tư; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

CLO4: Kỹ năng xử lý các tình huống nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kế toán doanh nghiệp

CLO5: Kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

CLO6: Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu tài liệu và tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Tổng quan về kế toán tài chính trong doanh nghiệp (3, 1, 0)	3	1	0	0		36
Nội dung 2: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước (6, 1, 5)	6	1	3	2		36
Nội dung 3: Kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (10, 2, 13)	10	2	11	2		36
Nội dung 4. Kế toán tài sản cố định (12, 2, 12)	12	2	8	4		36
Nội dung 5: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương (5, 1, 11)	5	1	7	4		36
Tổng	36	7	29	12		180

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO6	30%
2	Kiểm tra vấn đáp/lên bảng	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao.
- Làm bài kiểm tra định kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

Nguyễn Thị Thu Phương, Lê Thị Hồng (2022), *Giáo trình kế toán tài chính (quyển 1)*, NXB đại học kinh tế quốc dân

Tài liệu tham khảo

1) Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp (2019), *Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính*, Nxb Tài chính.

2) Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp - Hướng dẫn thực hành Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán* (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, NXB Lao Động.

Học phần 30: Thực hành QTKD/Practice of Business Administration

- Số tín chỉ: 03 (Thực hành: 90 tiết)
- Mã học phần: 154071
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Thực hành quản trị kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết thực tế về các nội dung trong quản trị doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, đánh giá được đặc điểm tình hình hoạt động của Doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Giúp người học vận dụng các kiến thức thực tiễn về quản trị kinh doanh tại doanh nghiệp.
- CO2: Giúp người học thực hành và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm; tổng hợp và xử lý thông tin; làm quen với môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.
- CO3: Giúp người học nhận thức đúng về hoạt động của các bộ phận, phòng ban trong doanh nghiệp, ý thức được văn hóa làm việc trong doanh nghiệp để hình thành tác phong chuyên nghiệp của nhà quản trị kinh doanh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp; Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các chức danh tại doanh nghiệp; Tìm hiểu được các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp
- CLO2: Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp với cán bộ nhân viên trong doanh nghiệp; thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin. Tìm hiểu được qui trình làm việc tại doanh nghiệp.
- CLO3: Có nhận thức đúng về nội qui, qui chế hoạt động của các doanh nghiệp. Có tác phong chuyên nghiệp và ý thức được văn hóa doanh nghiệp, rèn luyện tác phong chuyên nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1. Tìm hiểu tổng quan về doanh nghiệp	0	0	0	30	0	30
Nội dung 2. Các chức năng quản trị trong doanh nghiệp	0	0	0	30	0	30
Nội dung 3. Thực hành nội dung quản trị tại DN	0	0	0	40	0	30
Nội dung 4: Viết báo cáo thu hoạch	0	0	0	35	0	45
Tổng	0	0	0	135	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm và lựa chọn các doanh nghiệp có uy tín, chất lượng, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra. Trong suốt quá trình thực hành tại DN, sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của nhân viên; giảng viên hướng dẫn luôn sát sao theo dõi và sẵn sàng giải đáp bất cứ thắc mắc nào của sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Thực hành tại doanh nghiệp
- Báo cáo thu hoạch thực tế

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2	20%
2	Thực hành tại DN (sản xuất, Thương mại ...)	Rubric đánh giá thực hành	CLO1,2	50%
3	Báo cáo thu hoạch thực tế	Rubric đánh giá báo cáo thực tế	CLO1,3	30%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi thực hành tại DN (có hướng dẫn của giảng viên và có xác nhận của Doanh nghiệp), hoàn thành báo cáo thực tế.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Ngô Kim Thanh (2013), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp* –NXB Đại học kinh tế quốc dân.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

- 1) Trương Đình Chiến (2014), *Quản trị Marketing*, NXB ĐHKQTĐ
- 2) Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), *Giáo trình Quản trị nhân lực*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
- 3) Ngô Kim Thanh (2015), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học KTQĐ

Học phần 31: Quản trị học/ management studies

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 26TL; 10TH*)
- Mã học phần: 154090
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và những ứng dụng thực tế trong tổ chức về công tác quản trị bao gồm: Tổng quan về hoạt động quản trị, nhà quản trị; Sự hình thành và phát triển của quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Các chức năng quản trị: Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo và Kiểm tra.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về quản trị tổ chức; có năng lực phù hợp về quản trị tổ chức trong môi trường cạnh tranh toàn cầu;
- CO2: Người học được trang bị các kiến thức và áp dụng các kỹ năng nghiệp vụ trong hoạt động quản trị tổ chức.
- CO3: Người học có thể thực hiện các hoạt động quản trị tổ chức theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1. Hiểu được những nội dung cơ bản và có hệ thống về Quản trị của tổ chức

CLO2. Phân tích được môi trường quản trị; hiểu được các hoạt động quản trị; vận dụng được kiến thức của quản trị học để đánh giá và lựa chọn hoạt động quản trị phù hợp cho tổ chức

CLO3. Tổ chức thực hiện và điều chỉnh hoạt động quản trị tổ chức

CLO4. Thực hiện các kỹ năng quản trị; kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh; kỹ năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra cho các tổ chức trong thực tế.

CLO5. Có kỹ năng tư duy phản biện thông qua việc phân tích, đánh giá các vấn đề quản trị trong tổ chức

CLO6. Người học đủ năng lực để thực hiện được công việc quản trị cho một tổ chức; Người học đủ năng lực kiến thức để theo học các học phần chuyên ngành và tự nghiên cứu thêm về các tài liệu chuyên sâu về QTKD.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Tổng quan về quản trị	4	3				12
Nội dung 2: Lịch sử hình thành và phát triển các lý thuyết về quản trị	3	4				12
Nội dung 3: Môi trường quản trị	4	3				12
Nội dung 4: Thông tin và quyết định trong quản trị	4	3		3		18
Nội dung 5: Chức năng hoạch định	4	4		2		15
Nội dung 6: Chức năng tổ chức	3	3		2		18
Nội dung 7: Chức năng lãnh đạo	3	3		2		30
Nội dung 8: Chức năng kiểm tra	2	3		3		18
Tổng	27	26		10*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Nhập vai; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				

1	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2	30%
			CLO3	
			CLO4	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4,5,6	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm trên máy	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ đk làm BTL)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2013), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Đại học KTQD.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Nguyễn Thanh Hội, Phan Thăng (2011), *Quản trị học*, NXB Hồng Đức.

2) Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh (2012), *Quản trị học*, NXB VHVN.

Học phần 32: Chọn 1 trong 3 học phần

a. Kinh tế quốc tế/ *International Economics*

- Số tín chỉ: 03 (27 LT : 36 TL : 0TH)

- Mã học phần: 151.045

- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế

- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

1. Mô tả học phần

Khái quát về nền kinh tế thế giới, nội dung các mối quan hệ kinh tế quốc tế; Thương mại quốc tế và sự di chuyển các nguồn lực quốc tế, đồng thời học phần cũng chứa đựng các nội dung của Thanh toán quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu rõ của nền kinh tế thế giới từ đó phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc tế; Phân tích các vấn đề có tính toàn cầu và cách thức giải quyết các vấn đề đó; Nhận biết các xu hướng của nền kinh tế thế giới, từ đó thay đổi hành vi tạo điều kiện cho sự phát triển một cách phù hợp với thời đại.

- CO2: Người học hiểu những chính sách của Đảng và Nhà nước để phát triển kinh tế đối ngoại trong từng thời kỳ, từ đó sinh viên biết được đường lối, phương hướng trong hoạt động của bản thân nhằm phát huy hiệu quả những sản phẩm, những lợi thế của địa phương và quốc gia.

- CO3: Người học hiểu rõ phương thức và thực hiện được cơ bản các giao dịch trong thương mại quốc tế; Tính toán lợi ích của quốc gia khi tham gia vào thương mại quốc tế; Biết rõ cách sử dụng các công cụ trong thương mại quốc tế và phân tích các tác động của nó đến nền KT Việt Nam và địa phương; Xác định được dòng di chuyển quốc tế các nguồn lực như vốn tư bản, nguồn lao động. Từ đó, người học tiếp cận và xây dựng được ý thức, hành động tham gia vào chu trình vận chuyển này; cấu trúc của cán cân thanh toán quốc tế (thặng dư và thâm hụt cán cân); các nghiệp vụ KD ngoại hối; quy đổi giá cả các loại tiền tệ trên thế giới.

- CO4: Người học hiểu tác động của việc hội nhập kinh tế quốc tế; các loại hình liên kết trên thế giới và mức độ của Việt Nam khi tham gia vào liên kết và hội nhập; Nắm vững quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của các liên kết kinh tế và tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu: ASEAN, APEC, EU.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên có khả năng phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc tế; khái niệm cơ bản của thương mại quốc tế và các hình thức thương mại quốc tế cơ bản hiện nay; Sử dụng được các mô hình cả cổ điển và hiện đại về thương mại quốc tế, từ đó phân tích và định vị được vị thế của quốc gia, của địa phương trong nền kinh tế thế giới.

- CLO2: Sinh viên Phân tích được các tác động của các công cụ chính sách thương mại quốc tế đến nền kinh tế Việt Nam và địa phương..

- CLO3: Xác định được nguyên nhân hình thành, tác động của di chuyển vốn đối với nước đầu tư và nước nhận đầu tư đối với từng hình thức đầu tư quốc tế.

- CLO4: Xác định các bộ phận trong cán cân thanh toán quốc tế và vai trò của chúng; Xác định vai trò của TGHD và các nhân tố ảnh hưởng tới nó

- CLO5: Sinh viên xác định tác động của hội nhập kinh tế quốc tế tới nền kinh tế của Việt Nam hiện nay; Xác định các loại hình liên kết, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay; Phân tích cơ hội, thách thức khi Việt Nam tham gia vào các liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.

- CLO6: Rèn luyện được tư duy khoa học trong phân tích vấn đề, hình thành phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Giới thiệu kinh tế quốc tế và tổng quan về nền kinh tế thế giới	5	4				10
Chương 2: Lý thuyết về thương mại quốc tế	5	8				15
Chương 3: Chính sách thương mại quốc tế	5	6				25
Chương 4: Di chuyển quốc tế các nguồn lực	3	3				25
Chương 5: Cán cân thanh toán quốc tế	3	3				25
Chương 6: Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối	3	3				25
Chương 7: Hội nhập kinh tế quốc tế	3	5				10
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	30%
2	Viết	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4,5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 2,3,4,5	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Thi vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn (sinh viên đủ đk làm BTL)	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có TL số 1) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Đỗ Đức Bình & Ngô Thị Tuyết Mai (2012), *GT Kinh tế quốc tế*, NXB ĐHKQTĐ

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Tôn Hoàng Thanh Huê, Nguyễn Thị Mai (2020), *Câu hỏi và bài tập Kinh tế quốc tế*, NXB ĐHKQTĐ

2) Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2008), *Kinh tế quốc tế*, NXB ĐHKQTĐ

b. Logistics đại cương/General Logistics

- Số tín chỉ: 3 (27 LT : 27TL : 9TH)

- Mã học phần: 151042

- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế

- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác Lê Nin

1. Mô tả học phần

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất đồng thời nghiên cứu sâu việc tổ chức chuyên chở hàng hoá XNK bằng các phương thức vận tải khác nhau: đường biển, đường sắt, đường hàng không, container, vận tải đa phương thức...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về Logistic và vận tải quốc tế, kinh tế, từ đó có thể vận dụng thành thạo trong học tập, NCKH và áp dụng được trong thực tiễn

- CO2: Người học có thể lựa chọn và sử dụng được các phương pháp, công cụ, các hệ thống chỉ tiêu nhằm hoạch định, phân tích và tổ chức thực thi các chiến lược, qui hoạch, kế hoạch áp dụng trong thực tiễn công việc.

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu được các vấn đề cơ bản về Logistics và vận tải quốc tế.
- CLO2: Nắm được các vấn đề quản trị logistics đầu vào đầu ra.
- CLO3: Nắm được cách quản trị để đạt được tiết kiệm các yếu tố vật chất trong sản xuất kinh doanh.
- CLO4: Nắm được khái niệm, đặc trưng cơ bản của nhu cầu vật tư, hàng hóa, kết cấu và các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vật tư, hàng hóa trong doanh nghiệp

- CLO5: Nắm bắt được cách thức quản trị dịch vụ giao nhận hàng hóa tại kho hàng từ các chỉ tiêu đánh giá hoạt động kinh doanh kho hàng từ đó phân tích được kết quả kinh doanh kho hàng hóa và nắm được các nội dung cơ bản của công tác kiểm tra, kiểm kê kho.
- CLO6: Hiểu về các công nghệ sử dụng trong Logistic, các mô hình hệ thống thông tin cơ bản được sử dụng trong các doanh nghiệp hiện nay.
- CLO7: Hiểu được khái niệm cũng như các tiêu chuẩn để đánh giá dịch vụ khách hàng, các thành phần của dịch vụ khách hàng từ đây xây dựng chiến lược dịch vụ khách hàng hiệu quả.
- CLO8: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội Dung 1: Những Vấn Đề Chung Về Logistics	2	2				9
Nội Dung 2: Quản Trị Logistics Doanh Nghiệp	2	2				10,5
Nội Dung 3: Cơ Sở Của Quản Trị Logistics	2	2				9
Nội Dung 4: Quản Trị Nhu Cầu	2	2				10,5
Nội Dung 5: Quản Trị Dự Trữ	2	2				10,5
Nội Dung 6: Quản Trị Kho Hàng Hóa	2	2				10,5
Nội Dung 7: Quản Trị Dịch Vụ Giao Nhận Hàng Hóa	2	2				9
Nội Dung 8: Thiết Lập Các Mối Quan Hệ Kinh Tế Trong Hoạt Động Logistics	3	3				10,5
Nội Dung 9: Hệ Thống Thông Tin Logistics	2	2				10,5
Nội Dung 10: Quản Trị Dịch Vụ Khách Hàng	2	2				10,5
Nội Dung 11: Những Điều Cần Biết Trong Quản Trị Logistics	3	3				10,5

Nội Dung 12: Hoạt Động Thực Tế	2	3		9		24
Tổng	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO8	30%
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4,5,6,7	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6,7	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6,7	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6,7	
2	Bài tập lớn (sinh viên đủ đk làm BTL)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6,7	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Đặng Đình Đào (2018), Giáo trình Quản trị Logistics, NXB tài chính..

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

Phòng thương mại quốc tế (2019), *Incoterms 2010*, NXB Thông tin và Truyền Thông

c. Lập và phân tích dự án đầu tư/ Project Planning and Analysis

- Số tín chỉ: 03 (27 LT : 36 TL : 0TH)
- Mã học phần: 151070
- Bộ môn quản lý học phần: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô.

1. Mô tả học phần

Khái niệm về đầu tư, dự án đầu tư, trình tự và nội dung nghiên cứu dự án đầu tư, công tác lập và quản lý dự án đầu tư. Phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất, phương án tài chính... Các giải pháp thực hiện. Đánh giá tác động của môi trường vĩ mô vào dự án, khả năng thu xếp vốn và khả năng cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả xã hội của dự án. Sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản nhất về các công quản lý dự án đầu tư, biết quản lý tiến độ thời gian của dự án.

Người học lập hoàn chỉnh một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, tự lập bảng tiến độ và quản lý thời gian của dự án; phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất... và các giải pháp thực hiện; Dự tính tổng mức đầu tư của dự án; khả năng huy động và cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả XH của dự án.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu và nắm vững các nội dung cơ bản khi lập một dự án đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, đồng thời sinh viên phải nắm được các nội dung cơ bản của công tác quản lý đối với một dự án đầu tư.
- CO2: Người học có người học có thể vận dụng để tự nghiên cứu và lập hoàn chỉnh một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, tự lập bảng tiến độ và quản lý thời gian của dự án.
- CO3: Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực để nắm vững nội dung của học phần. Trên cơ sở đó phải thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề kinh tế liên quan đến môn học đang diễn ra trên thực tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

-CLO1: Tìm kiếm nguồn vốn có mức lãi suất thấp để thực hiện đầu tư. Đầu tư đúng hướng, đúng mục đích có lợi cho bản thân và cộng đồng.

-CLO2: Tính toán và phân tích các khía cạnh của dự án trước khi quyết định đi đầu tư

-CLO3: Giải quyết được những tiêu cực mà dự án mang lại cho môi trường, cho nền kinh tế xã hội

-CLO4: Có kỹ năng thuyết trình, đọc hiểu dự án, giao tiếp tốt, làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng.

-CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng quan về đầu tư, dự án đầu tư	4	6				21
Cơ sở lý luận về phân tích dự án đầu tư	16	19				73,5
Quản lý dự án đầu tư	7	8	3			40,5
Tổng	27	33	3			135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%

1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2	
Thi cuối kì				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2012), *Giáo trình lập dự án đầu tư*, NXB ĐH KTQD

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng (2013), *Giáo trình Kinh tế đầu tư*, NXB ĐH KTQD

2) Từ Quang Phương (2012), *Giáo trình quản lý dự án*, NXB ĐHKTQD.

Học phần 33: Quản trị chiến lược, Strategic management

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 26TL; 10TH*)
- Mã học phần: 154065
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

1. Mô tả học phần

Tổng quan về chiến lược; Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Xây dựng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp; Chiến lược cấp doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh và chiến lược chức năng; Tổ chức thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược. .

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về quản trị chiến lược vào thực tiễn.

- CO2: Người học hình thành và sử dụng được các kỹ năng, các công cụ cơ bản trong việc phân tích môi trường kinh doanh, hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược cho một doanh nghiệp cụ thể

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1	Người học hiểu được những nội dung cơ bản và có hệ thống về chiến lược và quản trị chiến lược của doanh nghiệp
CLO2	Phân tích được môi trường kinh doanh; hiểu được các loại chiến lược; vận dụng được các ma trận chiến lược để đánh giá và lựa chọn chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp
CLO3	Người học có thể tổ chức thực hiện và điều chỉnh chiến lược
CLO4	Người học có thể thực hiện các kỹ năng hình thành tư duy chiến lược; kỹ năng tiếp cận và phân tích môi trường kinh doanh; kỹ năng lập kế hoạch chiến lược cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên thực tế.
CLO5	Người học đủ năng lực để thực hiện được công việc quản trị chiến lược cho một doanh nghiệp nhỏ và vừa; Người học đủ năng lực kiến thức để theo học các học phần chuyên ngành và tự nghiên cứu thêm về các tài liệu chuyên sâu về QTKD.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về chiến lược và quản trị chiến lược	3	4				15
Chương 2: Sứ mệnh và Mục tiêu chiến lược kinh doanh	4	6				15
Chương 3: Phân tích đánh giá môi trường của doanh nghiệp	4	6				25
Chương 4: Xây dựng lợi thế cạnh tranh	4	4				25

Chương 5: Các cấp chiến lược của doanh nghiệp	6			10		25
Chương 6: Phân tích và lựa chọn chiến lược	3	3				15
Chương 7: Tổ chức thực hiện và điều chỉnh chiến lược	3	3				15
Tổng	27	26		10*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Trắc nghiệm/ viết	Rubric bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình theo nhóm	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Chuyên cần	Rubric giá chuyên cần và thái độ	CLO5	
4	Tự học, trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric tiêu chí đánh giá bài tập cá nhân/ thực hành/ tự học	CLO4	
			CLO5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3	20%
Thi cuối kì				
	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO 1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

Ngô Kim Thanh (2015), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học KTQD

Tài liệu tham khảo

1) Hoàng Văn Hải (2017), *Quản trị chiến lược*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội

2) Ngô Kim Thanh (2012), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học.

Học phần 34: Quản trị sản xuất/Production Management

- Số tin chỉ học tập: 03 (27LT; 27TL;9TH*)

- Mã học phần: **154111**

- Bộ môn phụ trách: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

1. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về điều hành, quản trị sản xuất tác nghiệp trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Người học dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn sản phẩm và công suất; xác định vị trí cho doanh nghiệp; hoạch định tổng hợp; lập lịch trình sản xuất, quản trị hàng tồn kho trong doanh nghiệp sao cho hiệu quả nhất, tiết kiệm nhất và đạt lợi ích cao nhất.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về quản trị sản xuất tác nghiệp trong hoạt động sản xuất hoặc kinh doanh, các phương pháp điều hành sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp vào thực tiễn.

- CO2: Người học có thể lựa chọn và sử dụng được một số các kỹ năng quản trị điều hành cơ bản từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được kiến thức chung liên quan đến sản xuất, nâng cao năng suất lao động, vai trò và các phương pháp dự báo nhu cầu sản phẩm, hiểu sự cần thiết phải quản trị các yếu tố đầu vào trong sản xuất.

- CLO2: Người học sẽ nắm được cách lựa chọn được sản phẩm, công suất sao cho hiệu quả, xác định được vị trí đặt doanh nghiệp sao cho tối ưu, phối kết hợp các nguồn lực trong doanh nghiệp vào sản xuất sao cho có hiệu quả nhất

- CLO3: Người học có khả năng lập lịch trình sản xuất, bố trí, sắp xếp công việc tối ưu và quản trị hàng tồn kho đạt hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp.

- CLO4: Thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị sản xuất tác nghiệp trong sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Giới thiệu chung về QTSX	2	2				14
Nội dung 2: Dự báo nhu cầu sản phẩm	3	3				15
Nội dung 3: Quyết định về sản phẩm, công suất, công nghệ và thiết bị	3	3		3		15
Nội dung 4: Định vị doanh nghiệp	3	3		3		19
Nội dung 5: Hoạch định tổng hợp	4	4				19
Nội dung 6: Lập lịch trình sản xuất	4	4		2		19

Nội dung 7: Quản trị hàng dự trữ	4	4		1		19
Nội dung 8: Quản trị chất lượng trong doanh nghiệp	4	4				15
Tổng	27	27	0	9	0	135

5. Phương pháp giảng dạy:

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Thành Hiếu- Trương Đức Lực- Nguyễn Đình Trung (2018), *Quản trị tác nghiệp*, NXB ĐHKQTĐ

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Thị Loan (2023), *Câu hỏi và bài tập Quản trị sản xuất*- NXB Kinh tế quốc dân.

Học phần 35: Quản trị marketing/ Marketing management

- Số tin chỉ học tập: 03 (27LT; 27TL; 9TH*)
- Mã học phần: **154055**
- Bộ môn phụ trách: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm về Quản trị Marketing, khái niệm môi trường kinh doanh, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, kế hoạch chiến lược Marketing, chiến lược marketing hỗn hợp.

Năng lực đạt được: Sinh viên nghiên cứu và lựa chọn thị trường mục tiêu thông qua việc định vị sản phẩm và phân tích nhu cầu của người tiêu dùng. Xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp: sản xuất, thương mại, dịch vụ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về quản trị marketing, các phương pháp tổ chức điều hành hoạt động marketing vào thực tiễn.
- CO2: Người học có thể nắm rõ các bước trong hoạt động quản trị marketing từ tổ chức thực hiện, phối hợp, giám sát, kiểm tra hoạt động marketing; từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm có hệ thống về quản trị marketing trong doanh nghiệp.
- CLO2: Phân tích được môi trường kinh doanh; cách tiến hành phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu. Hiểu ý nghĩa, mục tiêu, vai trò và nội dung của 4P trong marketing mix; giải thích được các chiến lược giá và

phương pháp điều chỉnh giá, các quyết định khi xây dựng hệ thống phân phối, đặc điểm của các công cụ xúc tiến hỗn hợp.

-CLO3: Người học có thể tổ chức thực hiện, phối hợp, giám sát và kiểm tra hoạt động marketing cho từng loại doanh nghiệp thông qua các chiến lược cơ bản của marketing mix để quản trị marketing

- CLO4: Người học thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

-CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Những vấn đề căn bản về quản trị Marketing	2	2				10.5
Nội dung 2: Lập kế hoạch chiến lược	2	2				9
Nội dung 3: Quá trình quản trị marketing	2	3				10.5
Nội dung 4:Môi trường marketing và khách hàng của doanh nghiệp	2	3				9
Nội dung 5: Phân tích đối thủ cạnh tranh	2	3				9
Nội dung 6: Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu	2	2				9
Nội dung 7: Chiến lược khác biệt hoá và định vị	2			3		10.5

Nội dung 8 Quản trị sản phẩm	1	2				9
Nội dung 9 Quản trị thương hiệu	2	3				10.5
Nội dung 10 Quản trị chiến lược giá	2	3				9
Nội dung 11: Quản trị kênh phân phối	2	2				10.5
Nội dung 12: Quảng cáo và xúc tiến	2	2				9
Nội dung 13 Bán hàng cá nhân, quan hệ công chúng	2			3		10.5
Nội dung 14: Tổ chức, thực hiện và kiểm tra marketing	2			3		9
Tổng	27	27		9*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm trên giấy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	

Thi cuối kì				
1	Trắc nghiệm trên máy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ để làm BTL</i>)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Trương Đình Chiến (2014), *Quản trị Marketing*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

- 1) Philip Kotler (2006), *Quản trị marketing*, NXB Thống kê
- 2) Trần Minh Đạo (2013), *Marketing căn bản.*, NXB Đại học KTQD

Học phần 36: Quản trị nhân lực/ Human resource management

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 27TL; 9TH*)
- Mã học phần: 154105
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và những ứng dụng thực tế trong doanh nghiệp về công tác quản trị nhân lực bao gồm: Phân tích công việc, lập kế hoạch nhân sự tuyển dụng nhân lực, đào tạo nhân lực, bố trí nhân lực, tạo động lực trong lao động, đánh giá nhân sự thực hiện công việc của người lao động, thù lao lao động và giải quyết các mối quan hệ trong công việc.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về quản trị nhân lực; có nhận thức phù hợp về quản trị nhân lực của các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong môi trường cạnh tranh toàn cầu;

- CO2: Người học được trang bị các kiến thức và áp dụng các kỹ năng nghiệp vụ trong thu hút, đào tạo – phát triển, duy trì và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực;

- CO3: Người học có thể đo lường được kết quả hoạt động quản trị nhân lực của các doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1. Mô tả và giải thích được khái niệm, vai trò, chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực và các mô hình quản trị nguồn nhân lực

CLO2. Giải thích được khái niệm, ý nghĩa, quá trình hoạch định nguồn nhân lực và phân tích công việc đối với hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức

CLO3. Phân tích và đánh giá được khái niệm, vai trò, chức năng, phương pháp và cách thức phân loại trong các hoạt động về tuyển dụng, đào tạo – phát triển và duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức.

CLO4. Đo lường và đánh giá được kết quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong môi trường hiện đại

CLO5. Có kỹ năng tư duy phản biện thông qua việc phân tích, đánh giá các vấn đề quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức

CLO6. Người học đủ năng lực để thực hiện được công việc quản trị nhân lực, biết tôn trọng và quan tâm đến lợi ích của các bên trong hoạt động quản trị nhân lực của một tổ chức; Người học có khả năng rèn luyện ý thức làm việc khoa học, nghiêm túc, tự cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức quản trị hiện đại một cách sáng tạo và linh hoạt.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Tổng quan về quản trị nhân lực	3	3				12
Nội dung 2: Kế hoạch hóa nguồn nhân lực	3	3				12
Nội dung 3: Phân tích	3	3				12

công việc						
Nội dung 4: Tuyển mộ và tuyển chọn nhân viên	3	3		3		18
Nội dung 5: Đào tạo và phát triển	3	3				15
Nội dung 6: Đánh giá nhân viên	3	3		3		18
Nội dung 7: Thù lao và phúc lợi	6	6				30
Nội dung 8: Quan hệ lao động	3	3		3		18
Tổng	27	27		9*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Nhập vai; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3	
			CLO4	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	

Kiểm tra giữa kỳ				
1	Viết	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	20%
Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), *Giáo trình Quản trị nhân lực*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Trần Kim Dung (2015), *Quản trị nguồn nhân lực*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

2) Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), *Giáo trình Quản trị nhân lực căn bản*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

Học phần 37: Chọn 1 trong 2 học phần

a. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ/ Electronic Commerce

- Tên học phần: Thương mại điện tử (27LT, 30TL, 6TH)

- Số tín chỉ học tập: 03

- Mã học phần: **154072**

- Bộ môn phụ trách: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

1. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu và hiện đại về thương mại điện tử; về hoạch định chiến lược, kế hoạch ứng dụng thương mại điện tử; về quản trị thương mại điện tử và kinh doanh trên mạng điện tử. Được trang bị kiến thức để có năng lực chuyên môn tốt và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, có tư cách đạo đức và ý thức pháp luật đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học sẽ nắm vững được khái niệm, mô hình thương mại điện tử, các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử, hiểu được sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Nắm được một số quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT, ...
- CO2: Người học thành thạo các kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu thương mại điện tử
- CO3: Người học có những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp một cách có hệ thống. Người học đủ năng lực kiến thức để theo học các học phần chuyên ngành và tự nghiên cứu thêm về các tài liệu chuyên sâu về TMĐT. Đủ năng lực tự lập kế hoạch khởi sự kinh doanh (qui mô nhỏ) ứng dụng TMĐT

3. Chuẩn đầu ra:

- CLO1: Nắm rõ được khái niệm và tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống thương mại điện tử trong doanh nghiệp. Nắm rõ các mô hình thương mại điện tử; Phân tích những lợi ích và hạn chế về thương mại điện tử; Một số thống kê, đánh giá về TMĐT ở Việt Nam hiện nay.
- CLO2: Nắm rõ kiến thức về bán hàng trên web: Các mô hình lợi nhuận và xây dựng giao diện web; Các khái niệm về môi trường thương mại điện tử: các vấn đề luật pháp, đạo đức và thuế.
- CLO3: Cung cấp kiến thức về công nghệ thương mại điện tử, an toàn thương mại điện tử; hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử; Nắm rõ được vai trò của Marketing trong thời kỳ công nghệ thông tin và TMĐT, các cách tiếp thị trong thương mại điện tử B2C và B2B
- CLO4: Thực hiện tổ chức kinh doanh trên mạng Internet, sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm trên Internet, khai thác thông tin, đối tác, mở rộng thị trường kinh doanh, thực hiện thành thạo các giao dịch thương mại điện tử; Thiết kế, khai thác, sử dụng, bảo trì Website thương mại phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: tìm

kiếm khách hàng, nhà cung cấp hàng hoá trong nước và trên thế giới; tìm kiếm, phân tích thông tin thị trường trong nước và quốc tế; cung cấp thông tin, giới thiệu sản phẩm, doanh nghiệp với người mua trong nước và trên thế giới.-

- CLO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học và có mối quan hệ của môn học với các môn học khác trong khối kiến thức chuyên ngành, có ý thức đúng đắn trong nhìn nhận, đánh giá cách thức và ứng dụng thương mại điện tử vào trong doanh nghiệp

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng quan về thương mại điện tử	2	2				15
Các mô hình thương mại điện tử	4	4		3		20
Cơ sở hạ tầng thương mại điện tử	4	4				20
Cơ sở pháp lý thương mại điện tử	3	4				20
Chiến lược và kế hoạch kinh doanh TMĐT	4	4				10
Phân phối và quảng cáo trực tuyến	4	4				20
Hệ thống thanh toán trong TMĐT	4	4				15
Marketing trong TMĐT	3	4		3		15
Tổng	27	30		6*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Nhập vai; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Trắc nghiệm/ viết	Rubric 5 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	

2	Thuyết trình	Rubric 4 đánh giá thuyết trình theo nhóm	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Chuyên cần	Rubric 1 giá chuyên cần và thái độ	CLO5	
4	Tự học, trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 tiêu chí đánh giá bài tập cá nhân/ thực hành/ tự học	CLO4	
			CLO5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric 5 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3	20%
Thi cuối kì				
	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO 1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính

Trần Văn Hòe (2015), *Thương mại điện tử căn bản*, NXB ĐH KTQD.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Bách Khoa (2003), *Marketing thương mại điện tử*, NXB Thống kê

b. Quản trị doanh nghiệp thương mại/ Commercial Enterprise Management

- Số tin chỉ học tập: 03 (27LT, 30TL, 6TH)
- Mã học phần: **154113**
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

1. Mô tả học phần:

Tổng quan về thương mại và kinh doanh thương mại trong nền kinh tế quốc dân; các nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh thương mại như nghiên cứu thị trường, tạo nguồn mua hàng, dự trữ, bán hàng, xúc tiến bán hàng... Đồng thời học phần cung cấp kiến thức về: quản trị vốn, quản trị lao động, quản trị tài chính... của doanh nghiệp thương mại

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Học phần cung cấp những kiến thức về thương mại, kinh doanh thương mại, doanh nghiệp thương mại; các nghiệp vụ kinh doanh trong DNTM như nghiên cứu thị trường, tạo nguồn, mua hàng, dự trữ, bán hàng và xúc tiến bán hàng; những đặc thù về vốn, lao động, chi phí kinh doanh ... của công tác quản trị trong các doanh nghiệp kinh thương mại.

CO2: Người học có cơ hội thực hành các kỹ năng quản trị các nghiệp vụ kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại, kỹ năng quản trị vốn, lao động, chi phí. ..trong DNTM

CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra:

Học xong học phần này người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Người học có thể có các kiến thức chung về thương mại, kinh doanh thương mại, quản trị trong doanh nghiệp thương mại.

CLO2: Hiểu được các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể trong DNTM như nghiên cứu thị trường, tạo nguồn, mua hàng, dự trữ, bán hàng và xúc tiến bán hàng; những đặc thù về vốn, lao động, chi phí kinh doanh ...

CLO3: Người học có thể xây dựng kế hoạch và tác nghiệp cơ bản các nghiệp vụ trong doanh nghiệp thương mại

CLO4: Kỹ năng hoạch định và triển khai chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp thương mại; Kỹ năng tổ chức bán hàng, dự trữ hàng hóa, quản trị quan hệ khách hàng; thực hiện các hoạt động marketing để thúc đẩy hoạt động bán hàng;...

CLO5: Người học đủ năng lực để thực hiện được công việc quản trị cho một doanh nghiệp thương mại nhỏ và vừa; Người học đủ năng lực kiến thức để theo học các học phần chuyên ngành và tự nghiên cứu thêm về các tài liệu chuyên sâu về QTKD.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học	
----------	-----------------------------	--

	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Kinh doanh thương mại và quản trị doanh nghiệp thương mại trong cơ chế thị trường	2	3				10
Nghiên cứu thị trường của DNTM và tạo nguồn và mua hàng ở DNTM	4	3		3		20
Dự trữ hàng hóa ở DNTM	4	4				15
Bán hàng và quản trị bán hàng	4	4		3		25
Kế hoạch lưu chuyển hàng hóa và các hoạt động xúc tiến thương mại	4	4				20
Dịch vụ khách hàng ở DNTM	2	4				15
Quản trị nhân sự ở DNTM	3	4				15
Quản trị vốn ở DNTM	4	4				15
Tổng	27	30		6*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO4,5	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	
Thi cuối kì				50%
1	Thi Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	

2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Nguyễn Thừa Lộc (2016), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại*, NXB Đại học KTQD

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) Hoàng Minh Đường (2016) *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại*, Nxb Lao động –Xã hội, Hà Nội

2) Ngô Kim Thanh (2013), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp*, NXB Đại học KTQD

Học phần 38,39: Chọn 2 trong 3 học phần

a. Văn hóa kinh doanh/Business Culture

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 26TL, 10TH)
- Mã học phần: 154074
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp 1

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hoá kinh doanh (triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân, văn hoá doanh nghiệp, văn hoá trong các hoạt động kinh doanh), xu hướng phát triển văn hoá kinh doanh Việt Nam và thế giới. Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn về các vấn đề văn hóa và đạo đức trong hoạt động kinh doanh.

2. Mục tiêu học phần

-CO1: Người học có kiến thức tổng quát về văn hóa trong cuộc sống và kinh doanh.

-CO2: Người học xác lập và xây dựng được văn hoá kinh doanh phù hợp với đặc điểm của cá nhân và doanh nghiệp.

-CO3: Người học có thể phát triển kỹ năng xây dựng chương trình, phương án phát triển văn hoá kinh doanh của doanh nghiệp.

-CO4: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề văn hóa trong kinh doanh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

-CLO1: Hiểu được kiến thức chung về văn hóa kinh doanh như: Triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân và văn hóa kinh doanh trong thời kỳ hội nhập, biết được các mô hình và cách thức xây dựng các chuẩn mực đạo đức và văn hóa của các doanh nghiệp, doanh nhân Việt nam cũng như thế giới.

-CLO2: Người học xác lập và xây dựng được văn hoá kinh doanh phù hợp với đặc điểm của cá nhân và doanh nghiệp..

-CLO3: Phân tích, đánh giá được triết lý, tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp trong tương lai

-CLO4: Tự tin trong xây dựng kế hoạch, phát triển kỹ năng xây dựng chương trình, phương án phát triển văn hoá kinh doanh của doanh nghiệp.

-CLO5: Người học đủ năng lực để tự phát triển nhận thức về các hành vi đạo đức, văn hoá trong kinh doanh, từ đó có đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, có văn hóa trong công việc, có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề văn hóa kinh doanh phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Tổng quan về văn hóa kinh doanh	4	2				20
Nội dung 2: Triết lý kinh doanh	4	4				20
Nội dung 3: Đạo đức kinh doanh	4	5				20

Nội dung 4: Văn hóa doanh nhân	4	4		4		20
Nội dung 5: Văn hoá doanh nghiệp	4	5		4		20
Nội dung 6: Văn hoá doanh nghiệp trong các hoạt động kinh doanh	3	3				15
Nội dung 7: Văn hóa kinh doanh Việt Nam và Quốc tế	4	3		2		20
Tổng	27	26		10*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Nhập vai; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Thi viết/trắc nghiệm	Đáp án/rubric thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Bài thảo luận nhóm, bài thu hoạch thực hành thực tế	Rubric thảo luận nhóm/rubric thực hành thực tế	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5,	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO4	
			CLO5	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,CL02,CLO3, CL04, CLO5	20%
Thi cuối kì				50%

1	Trắc nghiệm trên máy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

Dương Thị Liễu (2012), *Giáo trình Văn hóa Kinh doanh*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

Hoàng Văn Hải, Đặng Thị Hương (2022), *Giáo trình văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội

Nguyễn Mạnh Quân (2015), *Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

b. Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh/Communication and Negotiation in Business

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 26TL, 10TH)

- Mã học phần: 154073

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản về giao tiếp, thương lượng và đàm phán trong kinh doanh: Khái niệm về giao tiếp, phương pháp giao tiếp, kỹ năng giao tiếp chung, giao tiếp cụ thể, cũng như nghệ thuật thương

lượng, đàm phán. Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức tổng quát về giao tiếp và đàm phán trong cuộc sống và kinh doanh.

- CO2: Người học phát triển khả năng giao tiếp trong kinh doanh; áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lắng nghe, trình bày, thuyết trình và thuyết phục để tham gia đàm phán hiệu quả với các đối tác (các tổ chức kinh tế, các cá nhân);

- CO3: Người học có thể vận dụng sáng tạo, điều chỉnh các hoạt động giao tiếp và đàm phán nhằm đạt hiệu quả cao trong thực tế theo hướng hiện đại và chuyên nghiệp hơn;

- CO4: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức chung về phương pháp giao tiếp, kỹ năng giao tiếp chung, giao tiếp cụ thể, đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán; hiểu được các kỹ thuật và những điều nên, không nên trong cuộc đàm phán;

- CLO2: Thành thạo trong kỹ năng giao tiếp và đàm phán, lựa chọn các phương pháp, cách thức tham gia đàm phán hiệu quả đối với đối tác và khách hàng. Ứng dụng được kỹ năng giao tiếp, thương lượng trong hoạt động kinh doanh thực tế.

- CLO3: Phân tích, đánh giá được các lỗi thường gặp trong quá trình giao tiếp và đàm phán kinh doanh. Đo lường và đánh giá được hiệu quả của hoạt động giao tiếp, đàm phán thực tiễn phát sinh trong cuộc sống và công việc.

- CLO4: Tự tin trong xây dựng kế hoạch và chuẩn bị cho một cuộc thương lượng và đàm phán.

- CLO5: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề đàm phán và thương lượng để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về giao tiếp trong kinh doanh	5	5				25

Chương 2: Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	6	6		4		30
Chương 3: Khái quát chung về hoạt động đàm phán trong kinh doanh	5	5				25
Chương 4: Kỹ năng giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	6	6		4		30
Chương 5. Giao tiếp và đàm phán trong môi trường kinh doanh quốc tế	5	4		2		25
Tổng	27	26		10*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Nhập vai; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Thi viết/trắc nghiệm	Đáp án/rubric thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Bài thảo luận nhóm, bài thu hoạch thực hành thực tế	Rubric thảo luận nhóm/rubric thực hành thực tế	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5,	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO4	
			CLO5	

Kiểm tra giữa kỳ				
1	Kiểm tra viết	Đề thi và đáp án	CLO1,CL02,CLO3, CL04, CLO5	20%
Thi cuối kì				50%
1	Thi viết	Đáp án/rubric thi viết	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

Hoàng Đức Thân, Phạm Thị Mai Hương (2009), *Giáo trình giao dịch và đàm phán kinh doanh*, NXB ĐH KTQD

Tài liệu tham khảo

Ngô Kim Thanh (2012), *Kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

c. Kỹ năng mềm trong Quản trị kinh doanh/SOFTSKILLS)

- Số tin chỉ học tập: 03 (27LT, 26TL, 10TH)

- Mã học phần: 154012

- Bộ môn phụ trách: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

1. Mô tả học phần:

Môn học trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất gắn với nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Học xong môn học này sinh viên nắm chắc kiến thức và những kỹ năng thực hành quản trị kinh doanh, những hành trang về kinh nghiệm giúp cho sinh viên có thể thực hành nghiệp vụ kinh doanh ngay sau khi ra trường.

4. Mục tiêu của học phần

CO1: Trang bị cho người học kiến thức để hình thành các kỹ năng thực hành trong quản trị kinh doanh như kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xây dựng thương hiệu cá nhân, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng đàm phán, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng tạo động lực làm việc.

CO2: Người học thực hành và tích lũy được các kỹ năng mềm cơ bản trong quản trị kinh doanh từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc, học tập và đời sống.

CO3: Người học có tư duy linh hoạt, sáng tạo, tự chủ; có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

5. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Người học hiểu được nguyên tắc, đặc điểm, vai trò của các kỹ năng mềm như: kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xây dựng thương hiệu cá nhân, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng đàm phán, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng tạo động lực làm việc.

CLO2: Người học vận dụng các kiến thức đã học để khai thác hiệu quả hơn năng lực cá nhân, phương pháp phối hợp làm việc giữa các cá nhân và có thể vận dụng các phương pháp và quản lý được hành vi cá nhân phù hợp khi tham gia thực hành các hoạt động trong quản trị kinh doanh

CLO3: Người học có các kiến thức cơ bản về chuẩn bị hồ sơ tìm việc, viết CV, hồ sơ năng lực cá nhân, các kiến thức cơ bản về phỏng vấn tuyển dụng, môi trường làm việc, văn hóa công sở.

CLO4: Người học có thể tự rèn luyện kỹ năng tư duy sáng tạo và vận dụng các phương pháp tư duy đó trong giải quyết các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

CLO5: Người học vận dụng các phương pháp đã học để cân bằng cảm xúc, suy nghĩ và hành vi cá nhân khi gặp các vấn đề, tình huống không mong muốn trong học tập và cuộc sống.

CLO6: Có thái độ và hành vi tích cực, hợp tác, trách nhiệm khi tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động nhóm; có thái độ ứng xử và hành vi giao tiếp đúng mực, văn minh, phù hợp với hoàn cảnh, đối tượng, mục đích giao tiếp cụ thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Tổng quan về kỹ năng mềm trong QTKD	3	2				12
Nội dung 2: Kỹ năng quản lý thời gian	3	3				12
Nội dung 3: Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh	3	3				12
Nội dung 4: Kỹ năng tư duy sáng tạo	3	3				18
Nội dung 5: Kỹ năng đàm phán	3	3				15
Nội dung 6: Kỹ năng xây dựng thương hiệu cá nhân	3	3				18
Nội dung 7: Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề	3	3				15
Nội dung 8: Kỹ năng thuyết trình	3	3				15
Nội dung 9: Kỹ năng tạo động lực làm việc	3	3				18
Nội dung 10: Thực				10		

hành						
Tổng	27	26		10		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Nhập vai; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn người học hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3	
			CLO4	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Thi trắc nghiệm online/trên giấy	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	
Thi cuối kì				50%
1	Thi trắc nghiệm trên máy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>người học đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học

Người học phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Người học phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Người học phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Người học phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Người học cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Ngô Kim Thanh (2012), *Kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

Tài liệu tham khảo

1) Lê Thị Thu Hà (2022), *Giáo dục kỹ năng ra quyết định cho sinh viên đại học*, NXB giáo dục Việt Nam

2) Dương Thị Liễu (2011), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

Học phần 40: Chọn 1 trong 2 học phần

a. Hành vi người tiêu dùng/ Behavior Customer

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 30TL; 06TH*)

- Mã học phần: 154076

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và những ứng dụng thực tế về hành vi người tiêu dùng; các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi của người tiêu dùng như văn hóa, giai tầng xã hội, nhóm tham khảo, gia đình, động cơ – cá tính – nhận thức của người tiêu dùng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về hành vi người tiêu dùng; có nhận thức phù hợp về các yếu tố tác động đến hành vi của người tiêu dùng;

- CO2: Người học được trang bị các kiến thức và áp dụng các kỹ năng nghiệp vụ trong tìm hiểu, nghiên cứu và phân tích hành vi của người tiêu dùng;

- CO3: Người học có thể ứng dụng được kết quả nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng trong các hoạt động của doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1. Có kiến thức tổng quát về hành vi của người tiêu dùng

CLO2. Nhận diện và mô tả những đặc điểm nổi bật được bộc lộ hoặc tiềm ẩn trong hành vi của người tiêu dùng

CLO3. Phân tích và đánh giá được những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng

CLO4. Đo lường và đánh giá được mức độ tác động của các yếu tố đến hành vi người tiêu dùng trong môi trường hiện đại.

CLO5. Có kỹ năng tư duy phân biện, đưa ra giải pháp phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng tốt hơn thông qua việc phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi người tiêu dùng.

3. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Tổng quan về HVNTD	3	3				10
Nội dung 2: Ảnh hưởng của văn hoá tới HVNTD	3	4				10
Nội dung 3: Giai tầng xã hội và HVNTD	3	3				10
Nội dung 4: Nhóm tham khảo và HVNTD	3	4		2		10
Nội dung 5: Ảnh hưởng của gia đình tới HVNTD	3	3				10
Nội dung 6: Cá tính	3	3		2		10
Nội dung 7: Động cơ	3	4				10
Nội dung 8: Nhận thức và thái độ của NTD	3	3		2		10
Nội dung 9: Mua sắm và hệ quả của mua sắm	3	3				10

Tổng	27	30		6*		135
-------------	-----------	-----------	--	-----------	--	------------

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Nhập vai; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Đề kiểm tra và đáp án	CLO1,2,3,4,5	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
Thi cuối kì				50%
1	Thi Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ đk làm BTL)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

-Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm

-Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

-Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Vũ Huy Thông (2014), *Giáo trình hành vi người tiêu dùng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân – Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

Trần Minh Đạo (2022), *Giáo trình Marketing căn bản*, NXB Đại học KTQD.

b. Marketing kỹ thuật số/Digital Marketing

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 30TL: 6TH*)
- Mã học phần: 154077
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về marketing kỹ thuật số. Tổng quan về digital marketing; khái niệm môi trường hoạt động digital marketing và nghiên cứu marketing trên digital. Phân tích chiến lược digital marketing và các công cụ marketing mix trong digital marketing. Các công cụ truyền thông tương tác trên digital. Chiến lược nội dung và sự hiện diện điện tử. Đo lường và đánh giá hoạt động digital marketing.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về digital marketing, áp dụng các kiến thức này vào thực tiễn.
- CO2: Người học có thể lựa chọn và sử dụng được chiến lược marketing mix 4P, từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có hệ thống về marketing digital.
- CLO2: Phân tích được môi trường digital marketing và nghiên cứu marketing trên digital; Nắm bắt các công cụ marketing mix trong digital marketing bao gồm chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông xúc tiến hỗn hợp. Nắm bắt các công cụ truyền thông tương tác trên digital marketing đồng thời nắm được cách quản trị quan hệ khách hàng trên digital.

- CLO3: Người học nắm được các chiến lược nội dung và sự hiện diện điện tử, đo lường và đánh giá hoạt động digital marketing..
- CLO4: Người học có thể thực hiện các các kỹ năng tổ chức các hoạt động digital marketing trong doanh nghiệp, xây dựng các chiến lược marketing mix cho doanh nghiệp
- CLO5: Người học thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị các hoạt động digital marketing của doanh nghiệp.
- CLO6: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Tổng quan về digital marketing	3	3				15
Nội dung 2: Môi trường hoạt động digital marketing và nghiên cứu marketing trên digital	3	3				15
Nội dung 3: Chiến lược digital marketing	5	5		2		15
Nội dung 4: Các công cụ marketing mix trong digital marketing	5	5		2		15
Nội dung 5: Các công cụ truyền thông tương tác trên digital	5	5		2		15
Nội dung 6: Chiến lược nội dung và sự hiện diện điện tử	3	3				15
Nội dung 7: Đo lường và đánh giá hoạt động digital marketing	3	3				15
Tổng	27	30	0	9*	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Trắc nghiệm trên giấy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	
Thi cuối kỳ				50%
1	Trắc nghiệm trên máy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ để làm BTL</i>)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu..

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

Frederick Vallaes (2020), *Chiến lược Digital marketing trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo*, NXB Lao động

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Hồng Ly (2020), *Digital marketing- Trên thông marketing, dưới tường công vụ số*, NXB Thế giới.

Học phần 41: Chọn 1 trong 2 học phần

a. Kế toán quản trị chi phí/Cost accounting

- Số tín chỉ: 3 (27LT: 36TL: 0TH*)
- Mã học phần: **154008**
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu vai trò nhiệm vụ kế toán quản trị; Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; Mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận; Phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, Lập dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí sản xuất kinh doanh.

Năng lực đạt được: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán quản trị trong doanh nghiệp; có khả năng vận dụng kế toán quản trị chi phí và tính được giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp theo nhiều phương pháp khác nhau, nắm được các khái niệm về mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận và ứng dụng mối quan hệ giữa CP- KL-LN, ứng dụng điểm hòa vốn trong việc ra quyết định; Người học có đủ khả năng tổng hợp số liệu, lập định mức và lên dự toán chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu kiến thức:

- CO1: Hiểu và nắm vững kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán quản trị; kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; Mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận. dự toán sản xuất kinh doanh.
- CO2: Phân tích được thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, và phân tích chi phí sản xuất kinh doanh.
- CO3: Vận dụng được mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận để phân tích đánh giá và tư vấn cho chủ đơn vị đưa ra các quyết định phù hợp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.
- CO4: Có khả năng lập dự toán sản xuất kinh doanh; phân tích và dự báo được tình hình sản xuất kinh doanh, phục vụ việc ra quyết định.
- CO5: Có khả năng ứng xử trong các tình huống trong công việc để thích ứng với môi trường làm việc; có kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
- CO6: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý và dẫn dắt trong tổ chức và vận hành kế toán quản trị chi phí.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững có kiến thức lý thuyết về kế toán quản trị; kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; định giá bán sản phẩm; mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận. dự toán sản xuất kinh doanh.

- CLO2: Người học có khả năng phân tích được thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, có khả năng lập dự toán sản xuất kinh doanh

- CLO3: Người học có khả năng vận dụng mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận vào quá trình ra quyết định; vận dụng được nguyên tắc định giá bán để định giá bán sản phẩm trong các trường hợp cụ thể.

- CLO4: Vận dụng được lập các dự toán sản xuất kinh doanh

- CLO5: Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

- CLO6: Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			T H	Khác	
	LT	TL	BT			
Tuần 1. Chương 1. Khái quát về Kế toán quản trị doanh nghiệp	3		1			15
Tuần 2. Chương 2: Kế toán quản trị chi phí và giá thành	3		3			15
Tuần 3. Chương 2: Kế toán quản trị chi phí và giá thành	3		3			
Tuần 4. Chương 2: Kế toán quản trị chi phí và giá thành	1		5			15
Tuần 5. Chương 2: Kế toán quản trị chi phí và giá thành	3		3			
Tuần 6. Chương 3: Mối quan hệ giữa Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận	2		2			10
Tuần 7. Chương 3: Mối quan hệ giữa Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận	3		4			15
Tuần 8. Chương 3: Mối quan hệ giữa Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận	2		3			10
Tuần 9. Chương 3: Mối quan hệ giữa Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận	1					15

Tuần 10. Chương 4: Kế toán quản trị cho việc ra quyết định ngắn hạn	2		5			15
Tuần 11. Chương 4: Kế toán quản trị cho việc ra quyết định ngắn hạn	2		3			10
Tuần 12. Chương 4: Kế toán quản trị cho việc ra quyết định ngắn hạn	2		4			15
Tổng cộng	27		36			135

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I		Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5,6	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,3,4	10%	
II		Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%	
III		Thi cuối kì (01)			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần,

không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng và cộng sự (2022) *Giáo trình Kế toán quản trị*, NXB Kinh tế quốc dân

*** Tài liệu tham khảo:**

1) Trần Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng Điệp (2016), *Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất*, NXB Kinh tế quốc dân.

2) Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Nhung, Lê Thị Minh Trí (2019), *Kế toán quản trị chi phí*, NXB Tài Chính

b. Phân tích hoạt động kinh doanh/ Business Activities Analysis

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 36TL: 0TH*)
- Mã học phần: 152030
- Bộ môn quản lý học phần: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, vị trí của phân tích hoạt động kinh doanh trong quản lý kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các kỹ thuật phân tích cụ thể về chỉ tiêu kết quả sản xuất, tình hình sử dụng các yếu tố của sản xuất, tình hình sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp. Lượng hoá các nhân tố và xác định các nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: phân tích kết quả sản xuất; tình hình lao động; phân tích chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm; phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó có biện pháp khắc phục những hạn chế và nâng cao hiệu quả đối với hoạt động kinh doanh. Trên cơ sở phân tích xác định được nguyên nhân, tác động của các yếu tố để từ đó có biện pháp xử lý đối với hoạt động kinh doanh.

- CO2: Người học có thể thực hiện thành thạo việc phân tích hoạt động kinh doanh cụ thể tại doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của nhà quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản của phân tích hoạt động kinh doanh vào học tập nghiên cứu các môn học khác và phục vụ cho viết chuyên đề tốt nghiệp.

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và tác dụng, đối tượng, nội dung của phân tích HĐKD. Nắm được các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh (bao gồm: phương pháp chi tiết, phương pháp so sánh, loại trừ, ...)

- CLO2: Người học có khả năng phân tích các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp (yếu tố lao động, tài sản cố định, tình hình cung ứng và sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất)

-CLO3: Người học có khả năng đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm, phân tích được tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành của những sản phẩm so sánh được.

- CLO4: Người học có khả năng phân tích tình hình thực hiện chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm, phân tích được các khoản mục chủ yếu của giá thành sản phẩm (chi phí NVL TT, chi phí NC TT, chi phí SXC)

- CLO5: Người học có khả năng phân tích tính hình thực hiện kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu hoặc theo đơn đặt hàng, phân tích kết quả sản xuất về chất lượng sản phẩm.

- CLO6: Người học có khả năng phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận. Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- CLO7: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học	
----------	-----------------------------------	--

	Lý thuyết	Thảo luận, LV nhóm	Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	Tư vấn của giáo viên	KT – ĐG	Tổng giờ tín chỉ
Đối tượng và phương pháp phân tích HĐKD	4	4		10			7
Phân tích các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp	5	7		15		*	11
Phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp	7	10		20		***	15
Phân tích tình hình kết quả sản xuất- tiêu thụ và lợi nhuận của doanh nghiệp	8	12		15		*	16
Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp	3	3		25			5
Tổng	27	36		135			63

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO7	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5,6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	

Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

Nguyễn Văn Công (2013), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, NXB ĐH KTQD.

Tài liệu tham khảo

1) Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2007), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Lao động- Xã hội.

2) Nguyễn Ngọc Quang (2011) *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

Học phần 42: Chọn 1 trong 3 học phần

a. Tài chính công/ Public Finance

- Số tín chỉ: 03 (27; 30; 6)
- Mã học phần: 152100
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính - Tiền tệ

1. Mô tả học phần

Học phần gồm kiến thức chung về tài chính công và quản lý tài chính công như khái niệm, phân loại tài chính công; khái niệm, mục tiêu, nội dung của quản lý tài chính công; Bộ máy quản lý tài chính công và các kiến thức nghiệp vụ về quản lý tài chính công giải quyết những vấn đề nghiệp vụ về quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN và đánh giá quản lý tài chính công như nguyên tắc quản lý NSNN, phân cấp quản lý NSNN, qui trình quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công, nội dung thu chi NSNN, chu trình quản lý NSNN, hệ thống mục lục NSNN, quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách.

CO2: Người học hiểu rõ quy trình lập dự toán ngân sách, chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách, quản lý chi thường xuyên, chi đầu tư của ngân sách, quản lý thu thuế, phí, lệ phí thuộc NSNN, quản lý tài chính cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách.

CO3: Người học vận dụng được kiến thức đã học áp dụng vào thực tiễn như lập dự toán ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, áp dụng hệ thống mục lục ngân sách nhà nước vào xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, phân loại thu, chi NSNN theo các tiêu chí để có thể đánh giá hiệu quả của việc chi NSNN ở các cơ quan, đơn vị, quản lý thu phí, lệ phí ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Học xong học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm vững được các quy định về tài chính công, quản lý tài chính công, quản lý thu chi NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN để xử lý các tình huống về tài chính công diễn ra trong thực tiễn.

- CLO2: Thành thạo trong việc lập dự toán ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, áp dụng hệ thống mục lục ngân sách nhà nước vào xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng NSNN.

- CLO3: Nắm vững nội dung quản lý tài chính công để người học có khả năng thực hiện công việc quản lý tài chính công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- CLO4: Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc .

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Tự học
		Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	
1	ND1: Những vấn đề cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công	4	4	0	0	20
2	ND2: NSNN và chu trình NSNN	3	3	0	0	10,5
3	ND3: Quản lý thu NSNN	4	0	4	0	21
4	ND4: Quản lý chi đầu tư phát triển của NSNN	4	0	5	2	21,5
5	ND5: Quản lý chi thường xuyên của NSNN	4	0	5	2	21,5
6	ND6: Quản lý tài chính ở cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập	4	0	4	2	19,5
7	ND7: Tổ chức cân đối NSNN	2	0	2	0	10,5
8	ND8: Quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN	2	0	3	0	10,5
Tổng cộng		27	07	23	06	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và làm bài tập tính thuế, xử lý tình huống tài chính công trong thực tiễn.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO1	
			CLO2	

			CLO3	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO3	
			CLO4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Bài tập	Rubric bài tập	CLO1,2	
Thi cuối kì				50%
1	Thi tự luận	Rubric Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Tài liệu bắt buộc

Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoan (2009), *Giáo trình quản lý tài chính công*, NXB Tài chính.

Tài liệu tham khảo

Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài (2009), *Lý thuyết Tài chính công*, NXB ĐHQG, TPHCM

Trương Huỳnh Thắng (2016), *Tìm hiểu luật ngân sách nhà nước năm 2015*, NXB Chính trị Quốc gia.

b. Thuế/ Taxes

- Số tín chỉ: 03 (27; 30; 6)
- Mã học phần: 152101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính - Tiền tệ

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần được thiết kế gồm 6 nội dung bao gồm những vấn đề cơ bản về thuế; 5 luật thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay như : Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật thuế thu nhập cá nhân. Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và kỹ năng về phương pháp tính thuế và cách kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế ở các cơ sở kinh doanh và đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy định như đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, đối tượng nộp thuế.

CO2: Người học hiểu rõ các phương pháp tính thuế, kê khai, nộp thuế, quyết toán các sắc thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân, thuế khác.

CO3: Người học vận dụng được các phương pháp tính thuế đã được học. Đủ khả năng tính, kê khai, nộp, quyết toán thuế vào ngân sách Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Học xong học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm vững được các quy định về các sắc thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN để xử lý các tình huống về thuế diễn ra trong thực tiễn.
- CLO2: Thành thạo trong việc tính, kê khai, nộp quyết toán các loại thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN ở các đơn vị và doanh nghiệp.
- CLO3: Nắm vững nội dung quản lý các sắc thuế hiện hành để người học có khả năng thực hiện công việc quản lý tại các cơ quan thuế
- CLO4: Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc .

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học	Tự học
----------	-----------------------------	--------

	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
ND1: Những vấn đề cơ bản về thuế	3	3				15
ND2: Quản lý thuế	4	3				20
ND3: Thuế giá trị gia tăng	4		6	2		20
ND4: Thuế tiêu thụ đặc biệt	4		5	1		20
ND5: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	4		3	1		20
ND6: Thuế thu nhập doanh nghiệp	4		6	2		20
ND7: Thuế thu nhập cá nhân	4		4			20
	27	6	24	06		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và làm bài tập tính thuế, xử lý tình huống thuế trong thực tiễn.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	30%
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO1	
			CLO2	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO1,2	
Thi cuối kì				50%
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2	

Thang điểm	10
-------------------	-----------

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

- Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Bất (2016), *Chính sách và nghiệp vụ Thuế*, NXB Lao động.

Tài liệu tham khảo

- 1) Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu (2014), *Thuế*, Nxb Tài chính.
- 2) Lê Hoàng Bá Huyền (2016), *Câu hỏi và bài tập thuế*, Nxb Lao động.

c. Thị trường chứng khoán /Stock Markets

- Số tín chỉ: 03 (27; 24; 12)
- Mã học phần: 153125
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết và kỹ năng về chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán như: Khái niệm, chức năng của thị trường chứng khoán, cơ cấu, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và các giao dịch chứng khoán trên thị trường sơ cấp, thứ cấp; Phân tích và đầu tư chứng khoán;

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- CO2: Người học vận dụng và phân tích được thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp; Các chức năng của Sở giao dịch chứng khoán.

- CO3: Người học có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế phân tích, đánh giá hiệu quả đầu tư vào các loại chứng khoán trên thị trường chứng khoán;

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hình thành kỹ năng phân tích tính chất các loại trái phiếu, cổ phiếu từ đó có thể vận dụng vào thực tế để phân tích trái phiếu và cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

- CLO2: Phân tích, tư vấn cho khách hàng lựa chọn đầu tư các loại chứng khoán như: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh.

- CLO3: Có kỹ năng làm việc theo nhóm để phân biệt các chứng khoán cũng như cách thức giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán.

- CLO4: Có kỹ năng thực hành tính toán trong việc xác định giá và khối lượng giao dịch trong khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục ở thị trường chứng khoán.

- CLO5: Có kỹ năng, năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, vận dụng kiến thức một cách linh hoạt và sáng tạo để giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
ND1: Tổng quan về thị trường chứng khoán	2	2	0	0		10
ND2: Chứng khoán	4	2	3	0		20
ND3: Thị trường chứng khoán sơ cấp	2	1	0	2		10
ND4: Thị trường chứng khoán thứ cấp	5	2	1	2		25
ND5: Phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán	5	2	5	2		25
ND6: Thị trường chứng khoán phi tập trung	5	2	0	6		25

ND7. Đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh chứng khoán	4	4	0	0		20
Tổng	27	15	9	12		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: kết hợp phương pháp dạy học thuyết trình với trình chiếu slide, thảo luận, thực hành theo nhóm, nêu và hướng dẫn cách giải quyết vấn đề cho người học theo hướng nâng cao tính tích cực, chủ động trong học tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO2	
			CLO4	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO3	
			CLO4	
4	Câu hỏi tự luận	Rubric kiểm tra tự luận	CLO1	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Câu hỏi tự luận	Rubric kiểm tra tự luận	CLO1; CLO3	
2	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Lê Hoàng Nga (2020), *Thị trường chứng khoán*, Nxb Tài chính.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

- 1) Bạch Đức Hiền (2008), *Giáo trìnhThị trường chứng khoán*, Nxb Tài chính.
- 2) Hoàng Văn Quỳnh (2008), *Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán*, Nxb tài chính.

Học phần 43: Thực tập tốt nghiệp/ graduate internships

- Số tín chỉ học tập: 05 (150 tiết thực hành)
- Mã học phần: 152085
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Tên ngành/ khóa đào tạo: Ngành Quản trị kinh doanh
- Các học phần tiên quyết: Hoàn thành các học phần theo điều kiện được làm thực tập theo quy định đào tạo hiện hành.

1. Mô tả học phần

Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề theo các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của doanh nghiệp phù hợp với chuyên ngành QTKD. Sinh viên vận dụng kiến thức đã học để phân tích đánh giá các vấn đề về quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp, tổ chức từ đó đề xuất giải pháp phù hợp. Kết thúc nghiên cứu sinh viên viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và được giảng viên hướng dẫn và cơ sở thực tập đánh giá.

2.Mục tiêu học phần

- CO1:Người học tổng hợp được các kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập, vận dụng vào giải thích, phân tích tình huống thực tế tại một doanh nghiệp, tổ chức hoặc vấn đề thực tế.
- CO2:Người học thành thạo các kỹ năng liên quan đến quản trị doanh nghiệp, nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm.

- CO3:Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1. Người học tổng hợp được số liệu và mô tả được tổng quan về đặc điểm tình hình của đơn vị thực tập

CLO2 Đánh giá và phân tích được một số nội dung chuyên sâu về một lĩnh vực/hoạt động quản trị (quản trị marketing, quản trị tác nghiệp, tài chính, nhân nội dung quản trị của doanh nghiệp hoặc một số nội dung cụ thể trong quản trị doanh nghiệp

CLO3 : Đề xuất một số khuyến nghị để giải quyết các vấn đề quản trị đã phân tích của doanh nghiệp

CL04: Người học có khả năng rèn luyện ý thức làm việc khoa học, nghiêm túc, tự cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức quản trị hiện đại một cách sáng tạo và linh hoạt.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập		
Nội dung 1: Thực tập tổng hợp					
Thực hành tại doanh nghiệp nhằm tìm hiểu tổng quan về doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp				30	45
1.2 Tổng hợp số liệu hoàn thành báo cáo thực tập giai đoạn 1				10	15
Nội dung 2: Thực tập chuyên đề và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp.					
2.1. Thực hành thực tế nhằm tìm hiểu phân tích về hoạt động thực tế của đơn vị và đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu; Rút ra bài học thực tế và đề xuất một số khuyến nghị cho vấn đề nghiên cứu				80	120

2.2 Hoàn thành báo cáo thực tập				30	45
Tổng				150	225

5. Phương pháp dạy - học

Giảng viên và sinh viên chủ động trao đổi và hoàn thiện các công việc theo tiến độ đã được quy định trong kế hoạch nghiên cứu. Giảng viên sẽ định kỳ kiểm tra tiến độ và hướng dẫn sinh viên hoàn thiện các báo cáo.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Điểm thực tập của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10.

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
1	Phần 1: Hồ sơ (Bao gồm Kế hoạch thực tập, Báo cáo GD 1, đề cương Báo cáo GD 2, Nhật ký thực tập) được đánh giá với trọng số 20% do GVHD chấm.	Mức độ đầu đủ và hoàn thiện của hồ sơ thực tập	CLO1,2,3,4	20%
2	Phần 2: Căn cứ vào kết quả đánh giá của cơ sở thực tập (Trọng số 20%)	Phiếu chấm của DN	CLO1,2,3,4	20%
3	Phần 3: Báo cáo TTTN (Trọng số 60%), chấm theo nguyên tắc chấm 2 vòng độc lập do khoa đề nghị (là điểm Trung bình cộng của 2 vòng)	Rubic báo cáo thực tập	CLO1,2,3,4	60%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải đăng ký địa điểm thực tập, tham gia thực tập nghiêm túc và viết báo cáo thực tập đúng tiến độ

học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc: Giáo trình liên quan đến chuyên đề nghiên cứu

Tài liệu tham khảo:

1) Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu

2) Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH

Hồng Đức <http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/>

Học phần: Khóa luận tốt nghiệp/ Final Thesis

- Số tín chỉ: 6 (LT: 0; TL: 25; TH*: 155)
- Mã học phần: 152054
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy 3 năm đầu học tập đạt 2,5 điểm trở lên, số các tín chỉ phải học lại không quá 5% tổng số tín chỉ đã học đến thời điểm xét và không bị hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên được phép đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp.

1. Mô tả học phần

Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, người học tìm hiểu và lựa chọn nghiên cứu chuyên sâu về một vấn đề quản trị cụ thể trong tổ chức, doanh nghiệp từ đó hiểu được vấn đề, đề xuất được giải pháp phù hợp để quản trị vấn đề cho tổ chức, doanh nghiệp. Thông qua học phần người học vận dụng được kiến thức, kỹ năng được học vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp từ đó củng cố kiến thức, hoàn thiện kỹ năng, rèn luyện được khả năng tự học, tự nghiên cứu đáp ứng yêu cầu công việc. Kết thúc học phần, người học hoàn thiện báo cáo khóa luận tốt nghiệp và được đánh giá chấm điểm theo quy định hiện hành.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát hiện và đề xuất được vấn đề quản trị tổ chức, doanh nghiệp; Vận dụng kiến thức chuyên môn vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quản trị tổ chức, doanh nghiệp, từ đó đề xuất được các giải pháp phù hợp.

CO2: Rèn luyện được các kỹ năng quản trị, kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu công việc.

CO3: Hình thành tác phong làm việc khoa học; có năng lực tự đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn; Có khả năng học tập suốt đời, thích nghi với sự thay đổi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Vận dụng được các kiến thức về quản trị doanh nghiệp vào phân tích thực tiễn từ đó đề xuất giải pháp nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể cho doanh nghiệp/tổ chức.

CLO2: Phát hiện được các vấn đề, phân tích và đề xuất giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề về quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

CLO3: Thành thạo các kỹ năng thu thập thông tin, lập kế hoạch, quản trị công việc để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong quá trình thực hiện khóa luận.

CLO4: Hoàn thiện kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tin học để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong quá trình thực hiện khóa luận.

CLO5: Hình thành tác phong làm việc khoa học; có năng lực tự đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn; Có khả năng học tập suốt đời, thích nghi với sự thay đổi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Thực hành	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)				
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập		
Nội dung 1: Tìm hiểu thực tế đơn vị nghiên cứu hình thành hướng nghiên cứu		5		20	30
Nội dung 2: Tìm hiểu cơ sở lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu		5		20	50
Nội dung 3: Nghiên cứu thực trạng vấn đề quản trị		5		50	60
Nội dung 4: Kiến nghị/đề xuất giải pháp		5		35	60
Nội dung 5: Hoàn thành báo cáo khoá luận tốt nghiệp.		5		30	70
Tổng		25		155	270

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Tìm hiểu thực tế, thảo luận, thuyết trình, xây dựng dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

(Ghi chú: Bảng Hình thức đánh giá dưới đây chỉ có tính chất tham khảo để xây dựng rubric và định hướng cho người học thực hiện. Kết quả đánh giá khoá luận được thực hiện dựa trên rubric chấm khoá luận đã được phê duyệt; Vòng 1: do GVHD chấm; Vòng 2: do 01 Giảng viên được phân công chấm. Điểm đánh giá là điểm trung bình chung của 2 vòng chấm độc lập).

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				

1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 4, 5	30%
2	Kế hoạch, hồ sơ thực hiện (theo quy định)	Theo quy định thực hành thực tập	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tiến độ thực hiện (theo kế hoạch đã được duyệt)	Theo quy định thực hành thực tập	CLO1,2,3,4,5	
Đánh giá khoá luận				50%
1	Báo cáo khoá luận tốt nghiệp	Chấm theo rubrics	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được đánh giá kết quả môn học:

-Mức độ chuyên cần: Người học phải trao đổi chuyên môn với giáo viên theo kế hoạch đã được xây dựng từ khi bắt đầu thực tập khoá luận.

-Thái độ học tập: Người học phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, hoàn thành các nhiệm vụ và nộp đúng hạn theo kế hoạch đã được phê duyệt

-Điểm quá trình: Người học có đầy đủ hồ sơ, kế hoạch thực tập, thường xuyên đến đơn vị thực tập theo quy định.

-Điểm kết thúc học phần: Người học hoàn thành báo cáo, nộp đúng hạn theo quy định của nhà trường.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

- 1) Giáo trình liên quan đến chuyên đề nghiên cứu
- 2) Quy định viết khóa luận
- 3) Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức <http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/>

Học phần 44: Quản trị bán hàng/Sales Administration

- Số tín chỉ: 03 (27 LT: 27TL: 9TH*)
- Mã học phần: 154060
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Môn học sẽ đề cập từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức, kỹ năng cần thiết của người bán hàng, đến những kỹ thuật chào hàng, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng và quản lý bán hàng hiệu quả.

Năng lực đạt được: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Kỹ thuật bán hàng cho nhà sản xuất, các đại lý bán sỉ, bán lẻ; các chức năng, phương pháp quản lý lực lượng bán hàng hiệu quả. Đồng thời giúp sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về quản trị bán hàng, các phương pháp tổ chức điều hành hoạt động bán hàng vào thực tiễn.
- CO2: Người học có thể nắm rõ các bước trong hoạt động quản trị bán hàng từ tổ chức thực hiện, phối hợp, giám sát, kiểm tra hoạt động bán hàng; từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm có hệ thống về quản trị bán hàng trong doanh nghiệp.

- CLO2: Các kiến thức, kỹ năng cần thiết của người bán hàng, đến những kỹ thuật chào hàng, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng và quản lý bán hàng hiệu quả.

-CLO3: Người học có thể tổ chức thực hiện, phối hợp, giám sát và kiểm tra hoạt động bán hàng cho từng loại doanh nghiệp thông qua các chiến lược cơ bản của hoạt động bán hàng để quản trị bán hàng có hiệu quả.

- CLO4: Người học thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị các hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.

-CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Khác	

	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Nội dung 1: Những vấn đề căn bản về bán hàng và quản trị bán hàng.	3	3				15
Nội dung 2: Dự báo nhu cầu khách hàng	3	3				15
Nội dung 3: Giám đốc bán hàng chuyên nghiệp	3	3		3		15
Nội dung 4: : Hoạch định trong quản trị bán hàng	3	3				15
Nội dung 5: Tổ chức hoạt động bán hàng	3	3		3		15
Nội dung 6: Lãnh đạo hoạt động bán hàng	3	3				15
Nội dung 7: Chương trình huấn luyện nhân viên bán hàng	3	3		3		15
Nội dung 8 : Các bước bán hàng căn bản	3	3				15
Nội dung 9 Kiểm soát hoạt động bán hàng.	3	3				15
Tổng	27	27		9*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm trên máy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc

Vũ Minh Đức; Vũ Huy Thông (2018), *Quản trị bán hàng*, NXB ĐH KTQD.

Tài liệu tham khảo

Quang Minh (2015), *Quản trị kinh doanh và các kỹ năng bán hàng hiệu quả tập 1*, nxb Lao động.

Học phần 45: Quản lý chất lượng/Quality Managment

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 31TL: 5TH*)
- Mã học phần: 154040
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

1. Mô tả học phần (*Mô tả tóm tắt nội dung học phần*)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản về quản lý chất lượng như kiến thức về khách hàng và sự hài lòng khách hàng, sản phẩm và dịch vụ, kiểm tra và kiểm soát chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng và các bước áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong các doanh nghiệp, tổ chức; hiểu bản chất của các công cụ thống kê trong quản lý chất lượng và cách thức áp dụng các công cụ này trong việc kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp, tổ chức.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về quản lý chất lượng, từ đó có thể vận dụng thành thạo trong học tập và trong công việc.

- CO2: Người học có thể hình dung được hết các công việc của một cán bộ, nhân viên phụ trách mảng quản lý chất lượng trong một tổ chức, doanh nghiệp; từ đó khi bước vào môi trường thực tế của tổ chức, doanh nghiệp sẽ không bị bối rối.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có thể khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về chất lượng và quản lý chất lượng từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Thành thạo trong phân tích, đánh giá nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng, từ đó vận hành vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- CLO3: So sánh và phân tích sự khác biệt về sản phẩm hàng hoá và sản phẩm dịch vụ, quản lý chất lượng hàng hoá và quản lý chất lượng dịch vụ.

- CLO4: Hiểu rõ nội dung của các hệ thống quản lý chất lượng phổ biến hiện nay, đồng thời nắm rõ quy trình áp dụng và vận hành các hệ thống quản lý chất lượng trong thực tế.

- CLO5: Nắm rõ bản chất của các phương pháp đảm bảo chất lượng, kiểm tra và kiểm soát chất lượng; từ đó vận hành hiệu quả trong thực tế.

- CLO6: So sánh và đánh giá các quan niệm về chi phí chất lượng, đồng thời hiểu rõ các loại chi phí chất lượng trong doanh nghiệp tổ chức.

- CLO7: Nắm rõ bản chất và quy trình áp dụng các công cụ thống kê trong quản lý chất lượng. từ đó có thể áp dụng thành thạo trong thực tiễn doanh nghiệp.

- CLO8: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khách hàng và thỏa mãn khách hàng	4	6				22
Chương 2: Chất lượng và vai trò của chất lượng sản phẩm.	4	6				22
Chương 3: Quản trị chất lượng	4	5				21
Chương 4: Hệ thống quản trị chất lượng	4	3		3		22
Chương 5: Quản trị chất lượng dịch vụ	3	3				10
Chương 6: Đảm bảo và cải tiến chất lượng	2	2				10
Chương 7: Kiểm tra chất lượng sản phẩm	2			2		12
Chương 8: Chi phí chất lượng	1	3				7
Chương 9: Các công cụ thống kê trong kiểm soát chất lượng	3	3				9
Tổng	27	31		5*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Viết	Rubric thi viết	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5,6,7,8	
3	Thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6,7,8	
4	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO8	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric thi viết	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
1	Viết theo NHCH	Rubric thi viết	CLO1,2,3,4,5,6,7,8	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ đk làm BTL)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6,7,8	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)

Nguyễn Đình Phan, Đặng Ngọc Sự (2012), *Giáo trình Quản trị chất lượng*, NXB Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

- 1) Đỗ Thị Đông (2013), *Bài tập QT chất lượng*, NXB Kinh tế Quốc dân.
- 2) Bùi Nguyên Hùng và Nguyễn Thuý Quỳnh Loan (2018), *Quản lý chất lượng*, NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Tài liệu tham khảo

- Quyết định số 847/QĐ-ĐHHD ngày 17/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

7.2. Chương trình tham khảo

Để xây dựng chương trình đào tạo ngành QTKD chúng tôi đã tham khảo các chương trình đào tạo dưới đây.

1. Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội:

<http://ueb.vnu.edu.vn/Sub/13/newsdetail/ctdt/16448/chuong-trinh-dao-tao-chat-luong-cao-trinh-do-dai-hoc-nganh-quan-tri-kinh-doanh.htm>

2. Trường Đại học Đà Nẵng:

<https://daotao.due.udn.vn/lo-trinh-hoc/K2-qtktongquat.pdf>

3. Trường Đại học Vinh:

<http://phongdaotao.vinhuni.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-tiep-can-cdio/khung-chuong-trinh/seo/chuong-trinh-dao-tao-nganh-quan-tri-kinh-doanh-ap-dung-tu-khoa-58-tro-di-94008>

4. Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh. Ngành QTKD (năm 2020)

<https://som.ueh.edu.vn/dao-tao/dai-hoc/?nganh=quan-tri-kinh-doanh>

5. National Taiwan University (Đài Loan)

<https://management.ntu.edu.tw/en/BA/course/bacourse>

6. North American University:

<https://www.na.edu/degree-programs/undergraduate-programs/business-administration/>

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy; - Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;
- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;
- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về

chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường qua đơn vị quản lý đào tạo. Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đậu Bá Thìn